

năm thứ hai • tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm • 20d

Khởi Hành

chủ nhiệm chủ bút: anh việt trần văn trọng • thư ký tòa soạn: viên linh

Đây là lần đầu tiên nhà văn
Trùng Dương viết cho KH.
Trùng Dương, đó là cây bút
phụ nữ tên tuổi hiện nay
và Người Về Từ Mặt Trận,
đó là truyện ngắn bi hài
của cô: chàng về khi thân
xác không còn toàn vẹn ...



TRÙNG DƯƠNG:
NGƯỜI VỀ
TỪ MẶT TRẬN

tiếp tục theo chân nhà văn nhà thơ tiền chiến
hiện đang sống dưới vòm trời hanoi :



NGUYỄN TUÂN
VANG BONG
MỘT THỜI

Wasm
P24380
A1K457+

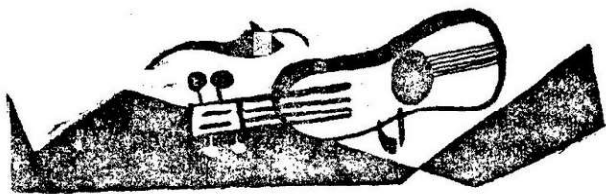
thanh tâm tuyền : yêu tính của văn chương
cao huy khanh : bút chiến với miền bắc
ng. nhật duật : đọc nhật tiên

54

thứ năm 21-5-70

viên linh

văn nghệ và cuộc sống



MỘT bạn đọc của Khởi Hành, trong thời gian công tác hai tháng ở Đồng Hà, đã liên tiếp viết về cho tôi những lá thư thật dày — mỏng nhất cũng hai tờ, có lá dày trên mười tờ — chỉ chít chữ. Anh cho biết rất rõ ràng về sinh hoạt tinh thần của người đọc ở cái thị trấn địa đầu này.

Đồng Hà, hình dung qua mấy lá thư, xơ xác, tiêu sái. Dịch pháo kích thường xuyên không phải năm bảy quả như Saigon, cũng không phải vài chục quả, mà hàng trăm quả. Có khi trong một ngày. Đang đọc báo nghe đạn đi, lặn xuống hầm. Đạn nổ, lại ngoi lên tiếp tục đọc.

Báo chí ở Đồng Hà bọn xe đồ đạc hết. Anh kể ra ba tờ tạp chí văn nghệ đúng kỳ ra mà chỉ còn lọt về xứ này được đúng mười tờ. Muốn có báo đều mà đọc, chắc chắn phải mua tháng. Thế mà vẫn bị cấp vật như thường. Huê tiêu thụ còn bao nhiêu mới đem ra Quảng Trị. Huê—Quảng Trị 69 cây số, dân văn nghệ mà thấy một tờ báo văn nghệ là ra, mừng lắm. Ít nhất chiều nay, đêm nay, ngày mai nữa, anh có một người bạn luôn luôn kể chuyện. Ở đó có ai làm bạn, ngoài âm thanh của đạn rền đầu đó, và có khi ngay bên mình, đạn nổ. Một người có báo đến chục người đọc nhờ. Lúc báo về tay người mua đã là tả như cánh bướm, chữ nhòe vì mồ hôi lượn chuyễn, kim rời, gãy rách, 'chửi đũa nào bây giờ'. Một tờ tạp chí giá bốn mươi đồng, bán lại tới năm sáu chục anh vẫn vui vẻ mà mua, vì 'cần con buồn mắt đi trên những dòng chữ'. Mà đó là do tài xế lờ xe bán lại. 'Xe đồ lại cứ dọa dọa nếu bị mìn hay thất lạc về có, họ không chịu bồi thường...'

Anh chờ đợi gì ở Đồng Hà? Chờ tiếng động cơ của một chiếc xe đồ lạch tới, lúc sáu giờ chiều. Nắng xuống, con đường hun hút vắng vẻ, lưới quanh hiu giăng bốn góc trời, cảnh vật u hoài, chìm lắng. Chiều rồi, niêm cô đơn như vùng lửa tắt. Và khi chiếc xe hiện ra, anh hoan hỉ như niềm, như tin chắc người bạn mong đợi đang tới, trong chiếc xe đó, với bụi bặm đường dài.

Anh chờ đợi gì ở chốn đầu hiu? Một người bạn, bên ly cà phê, trong khói thuốc liên miên vây phủ. Một tri kỷ cho kẻ xa nhà, sống trong tâm đơn. Một người bạn cho anh tìm thấy mình sau những phút tổn tiền và mệt mỏi, để càng thấy sự trống trải quanh mình. Một người bạn, hơn nữa, những tiếng nói của một diễn đàn, những sinh hoạt phản ánh trong chục trang giấy. Những thứ nếu không muốn xa rời, anh phải tìm nghe, tìm đọc.

TRONG một lá thư khác, cũng của một bạn đọc KH, người viết đã đặt câu hỏi: anh không có gì phải suy nghĩ về đời sống quanh mình, như vụ SVHS tranh đấu sao, mà phải mất công quan ngại về số phận của phi thuyền Apollo 13? Tác giả lá thư muốn nhắc đến đoạn Nhật ký của tôi trên KH số 50. Văn nghệ như thế — văn tác giả là thư — là văn nghệ viên mơ.

Viên mơ hay hiện thực, 'bỏ quên đại đa số quần chúng lao động, hay phục vụ tư sản thành thị, phản chiến hay lãng mạn, đó là lối nói không ăn nhập gì tới văn nghệ. Anh muốn cho văn nghệ một cái mũi, anh muốn cho văn nghệ một cái đuôi, cái mũi hay cái đuôi đó là lập trường, có thể đặc dụng trong giai đoạn này, nhưng thừa thãi ở thời kỳ khác. Văn nghệ có lập trường nào bằng lập trường dân tộc? Nhưng ai đủ thâm quyền để phê phán dân tộc tính trong tác phẩm của anh? Ai có thể đại diện 30 triệu người V.N. để bảo tác phẩm của anh thiếu dân tộc tính? Kỳ trước, trong bài *Bút Chiến với Miền Bắc*, Nghiêm Y và Cao Huy Khanh nêu trường hợp Trường Tựu, tay cơ phách của văn học cộng sản, bị Hà nội kết án nặng nề chỉ vì 'nội dung lòng yêu nước đã đổi thay', theo quan điểm nhà nước. Làm văn nghệ kiểu đó thì khi 'cực Chính trị đổi ngôi thì văn hóa cũng làm tuồng lại từ đầu tới cuối'...

...Apollo, đó là cuộc phiêu lưu của trí tuệ con người, cuộc phiêu lưu huyền ảo của nhân loại. Mơ mộng, tôi muốn bốc mình lên khỏi mặt đất, muốn bay xa, muốn tới một chỗ nào khác, một chỗ nào khác của khát vọng, của ước mong. Một chỗ nào khác trời xanh biếc, cây xanh biếc, đôi hồng hào. Một chỗ nào khác không bụi bặm, không có những khuôn mặt nhăn nhó, không có những vầng trán hẹp hòi, không có những kẻ muốn người khác phải cùng lập trường với mình. Một chỗ của róc rách suối reo, của ngàn ngạt hoa thắm, một chỗ đẹp hơn chỗ này, vui hơn chỗ này, sướng hơn chỗ này... Một chỗ mà trái tim không cần phải tích tắc nhịp đời kẻ khác. <

DƯƠNG TRƯ LẠ

THỜI SU nghe thuật

«CHỨNG TÍCH» MỘT BỨC

TRANH PHẢI NÓI ĐẾN

Ngày Hồng Thập Tự Quốc Tế vừa qua, Hội H.T.T. VN có tổ chức một buổi hội chợ lấy tên là «Phụng sự». Chuyện đó không có gì đáng nói đối với văn học nghệ thuật, nhưng một chuyện xảy ra làm mọi người chú ý, đó là bức tranh «Chứng Tích» của họa sĩ trẻ Phạm văn Hạng. Nghe đâu họa sĩ Hạng đã thực hiện bức tranh này trên hai năm. Bức tranh khổ 1 thước x 1 thước 20, trong tranh có một mảnh trán vỡ của một nạn nhân chết vì xe đồ bị lật mìn — một bàn chơn, hai bàn tay chấy đen của một binh sĩ không biết là của phe nào, nằm vất vẻo trên hàng rào kẽm gai — thứ kẽm gai thật của các tiền đồn — gân cốt chia ra ngoài và bàn chân cạnh đó chỉ còn bốn ngón chơn vơ. Đáng chú ý hơn hết là một khúc ruột — ruột thật đó ghen. Nằm vắt ngang một khung lửa đỏ trong tranh. Tất cả những thứ trên do chính họa sĩ đi thu nhặt trên các chiến trường, về ướp thuốc, kết thành bức tranh «chứng tích».

Nhưng trước khi hội chợ khai mạc. Ô. Trường đoàn thanh niên H.T.T. đã tịch thu bức tranh và nói là coi ghê quá. Miễn phê bình hành động của ông trường đoàn nói trên. Chỉ biết khi đó họa sĩ Hạng đã khóc sướt mướt vì công trình tìm óc của mình đã được «thường ngoạn» một cách sai lệch, quá đáng.

Và nghe nói rằng một số dân biểu đã hứa sẽ lấy lại bức tranh để triển lãm cho bà con Saigon thường lãm, trước khi họa sĩ Hạng gởi tặng Hội HHT Quốc tế. Chờ xem «Chứng Tích».

TUY HỒNG

VỚI HAI

TÁC PHẨM MỚI

Nhà văn nữ Túy Hồng là người ít có tác phẩm in thành sách như, nhưng lại là một trong những cây bút hàng đầu của phái nữ, hiện nay. Vừa rồi xuất bản gì đó 2 tác phẩm: «Đêm mùa mưa hạt huyền» và «Tôi nhìn tôi trên vách», mà tiền bản quyền trên trăm ngàn. Tác phẩm trước dường như đã phát hành rồi, cuốn sau thì đang chờ đợi lên khuôn. Cứ tả tả mà đi như tác giả «Tuổi dậy thì» cũng đáng nể thật.

RA LÍNH IN THƠ

Sau hai năm làm lính với nghề Cán Bộ tại quân trường Đồng Đế, Tô Đình Sự vừa được lệnh biệt phái về Bộ Tài Chánh, trong lúc Tô Đình Sự đang đi công tác tại Saigon.

Tô Đình Sự còn cho biết, khi thực sự yên chỗ yên thân anh sẽ cho in tập thơ «Thơ viết ngày yêu em», một tập thơ hoàn toàn của tình yêu.

NHÀ XUẤT BẢN

NGHỆ THUẬT

VĂN CHƯA RỰC RỊCH

Hai anh Thanh Nam — Sĩ Trung năm rồi hùn hợp làm nhà xuất bản Nghệ Thuật coi được quá. Tác phẩm mở màn cho nhà xuất bản bán hết sạch. Ai cũng nghĩ đó là điều hên do các anh ăn nên làm ra. Không ngờ từ vụ thuế kiểm ước qua đến việc giá giấy in tăng «Nghệ Thuật» tự nhiên nằm ụ lại. Chờ đợi (?), đến hiện nay nhà «Nghệ Thuật» đã mua đến năm, sáu tác phẩm gì đó để sẵn. Các anh chờ đợi gì? Một phép mầu biến hóa cho giá giấy tuột xuống chăng? Điều đó chắc khó có quá. Lầm rầm cũng đã hết một phần ba đoạn đường của năm mới rồi. Các anh nên cho «Nghệ Thuật» rực rộ đi chứ... làm ăn kỳ quá vậy?

MÁI TÓC NGÀY TRƯỚC

TÀI BẢN

Tác giả đang tỏ ra ung ý như với bộ trường thiên «Vết một chỗ nào của mình, mà cuốn I đã xuất bản, người ta đang chờ đợi những cuốn kế tiếp, thì dùng cái cho hay «Mái tóc ngày trước» sắp tái bản. «Mái tóc ngày trước» là một tác phẩm đã được soạn thành tuồng cải lương với nhan đề «Tình ca mùa thu» ăn khách cũng dữ — ngoài ra theo chỗ dò hỏi, năm nay Ngọc Linh sẽ cho tái bản tất cả tác phẩm của mình. Ủa, còn «Vết một chỗ nào» không về nữa sao, tác giả «Đôi mắt người xưa»?

TÁC PHẨM THƯ 24

CỦA DUYỄN ANH

Trước đây một dạo, có một sự lo âu làm lẫn buồn cười về 1 tác phẩm của Duyệt Anh là cứ nhè cuốn «Nhà tôi» mà tờ báo nọ đến hai lần loan là «Chồng tôi». Khiến Duyệt Anh, đầu không quen biết với người loan tin đó, cũng vẫn gởi đến tặng một cuốn «Nhà tôi» và kèm theo cái «cát tở vj dich» cận thận bảo là cảm ơn sự loan tin, nhưng hơi buồn một xi là cái làm «Nhà tôi» (ma femme) — Duyệt Anh chưa tiếng phú lang sa cần thận như thế — chờ đâu phải là «Chồng tôi».

Kèm theo đó tác giả «Bên Lửa» còn tặng luôn người loan tin tác phẩm thứ 24 của anh. Đó là cuốn «Lửa tuổi thích ở mai». Chắc là phải tuyệt lắm, bạn nào thích «của non» nên xem cho biết lửa tuổi đó thích ở mai ra sao?

SĨ TRUNG

NHƯ CHIM LẠC ĐÀN

Nhà xuất bản Miền Nam, từng tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn là: Ngoài việc xuất bản sách của những tác giả tên tuổi, còn chú ý đến việc khai thác và nâng đỡ những tài năng mới.v.v. Nhưng mấy năm qua dường như xuất bản sách cho tài năng mới thì ít mà sách của những tác giả tên tuổi vẫn đều đều. Thỉnh thoảng mới thấy đăng xê một tác giả mới, nhưng lại làm chiều lệ không đúng mức. Ước mong nhà Miền Nam nhớ lại câu tuyên bố của mình mà «thực thi đứng đắn» hơn.

Vừa rồi Miền Nam đã cho xuất bản «Như chim lạc đàn» tác phẩm thứ bao nhiêu(?) của Sĩ Trung. «Như chim lạc đàn» là câu chuyện của một đôi vợ chồng nghèo đồng con, phải cho đi đứa con cuối cùng cho một ầu nhân. Không ngờ người này, về sau lại là

một giải điểm, và, đôi vợ chồng kia đã đau khổ không biết làm cách nào bắt con mình lại.

AI thích xem chuyện tình tiết to le thì vẫn cứ Sĩ Trung mà đọc; chứ hẳn có ngav.

1001 TRUYỆN NGẮN HAY NHẤT THẾ GIỚI

Đó là nhan của một cuốn sách dày không đến 200 trang của tủ sách 'Hoa là bốn phương', vừa cầm đến, ai cũng phải ngạc nhiên, vì rằng 1001 truyện — dù là truyện ngắn — có thể mỏng như thế này sao? Bỏ đồng ra mỗi truyện không đến 1 trang giấy?

Đến khi xem kỹ mới biết, đây là cuốn tuyển dịch không biết là thứ mấy của Nguyễn Hùng, dịch tác phẩm của những tác giả: Erichmann Chatrian — Guy de Maupassant — Alberto Moravia — La Cassière — Mariam Allen Deford — Fdogawa Rampo — Lâm Ngữ Đường — Akutagawa — Emilia Pardo Bazan.

Tìm biết được dụng ý của nhà xuất bản — nhờ xem ở bìa sau thấy giới thiệu '1001 TNHNTG' quyền IV do Giang Tân tuyển dịch — mới hiểu là mỗi người dịch một số tác giả ngoại quốc, rồi nhiều người mới thành 1001 truyện ngắn; có nghĩa là có cuốn I, cuốn II, cuốn III, cuốn IV...v.v... Nhưng ngay bìa trước thì nhà xuất bản muốn cho độc giả lầm lẫn (?) nên không hề đề cuốn thứ mấy, và cũng không hề có vài dòng giới thiệu cách thức làm việc của mình!

Nghĩ rằng, tuyển chọn và giới thiệu tác phẩm tác giả ngoại quốc với độc giả V.N là điều đáng hoan nghênh nhà xuất bản nên nghĩ lại và làm cho mình bạch một chút. Sao lại có dụng ý gây hiểu lầm làm chi, khi mà việc làm của mình chính đáng.

Riêng về Nguyễn Hùng là một cây bút chín chắn lâu năm trong

nghề, tài dịch thuật và tuyển chọn của anh thừa khả năng để cho độc giả tin tưởng, xin khỏi giới thiệu dài dòng.

NÓI CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

Trung tâm Văn Bút lại tổ chức đăng đàn nói chuyện văn chương, hôm 17-5-70 tại thính đường Quốc gia Âm nhạc, đường Nguyễn Du, Saigon. Đề tài là 'Vài nhận xét về loại truyện dị thường của Tây phương và Việt Nam', Diễn giả là nhà văn Dương Đình Khuê.

Xin chịu Trung Tâm Văn Bút có sự tổ chức nói chuyện. Dường như các hội đoàn văn nghệ khác cũng phải ngán TTVB về điểm này.

VƯƠNG HỒNG SẼ, BÌNH NGUYỄN LỘC, SƠN NAM SẮP LÊ MẶT?

Nhà văn Vũ Hạnh trước nay vẫn nổi tiếng về loạt bài viết 'phê bình sách' theo lập trường của ông. Quyền sách nào đến tay ông thì phải biết được ông 'phê' rất cặn kẽ và sẽ đi đến kết luận theo ông phải thế này, thế nấy. Gần đây, sau thời gian nghỉ hè, ông bèn lên một cây nhận định hiện tình văn nghệ. Bây giờ, ông lại định lập một cơ sở xuất bản chuyên khảo cứu về phong tục Miền Nam. Ghe quá, các cây bút 'cừ' về loại này như Vương Hồng Sển, Bình Nguyễn Lộc, Sơn Nam... chắc phải 'lê com mặt' mà nhìn.

KHOI DÒNG BỊ NGHÈN

Trong một lá thư viết về đề thăm hỏi sức khỏe, Phê Sa Lộc đã cho biết tờ 'Khoi Dòng' của anh em văn nghệ sĩ miền Tây đã 'ngủm', vì 'tài chánh' kiệt sao đó. Tuy nhiên anh em văn nghệ miền Tây vẫn chưa lùi, và đang cố gắng tiếp tục 'Khoi...'. Nói thì phũ phàng, thật ra việc 'Khoi Dòng' bị nghiền vẫn chỉ là một việc thường tình, đối với tình trạng văn nghệ của đất nước này. Nhiều tờ báo nằm tại Saigon — nơi mệnh danh là trung tâm văn hóa — còn 'ngủm' tới' thay, huống là 1 tờ báo ở tỉnh lẻ, phương tiện thiếu và cái gì cũng đắt. Xin chia buồn và chúc 'Khoi dòng' sớm khởi lại...

ĐÊM THƠ TẠI PHAN THIẾT

Đêm 5 tháng 5-7970 tại thính đường câu lạc bộ công chức Phan Thiết, một đêm thơ do 2 tập chí Nhìn Mặt (Qui Nhơn) và Quê Hương (Phan Thiết) tổ chức được khởi sự vào lúc 19 giờ 30.

Đêm thơ này qui tụ khá đầy đủ các anh em làm văn nghệ của 2 nhóm nói trên về đây họp mặt:

— Nhìn Mặt: Đặng Hòa, Phạm Cao Hoàng, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Thâm, Trần Hoài Thư, Nguyễn Thị Thủy Mỹ, Thế Vũ, Nguyễn Âu Hồng, — Quê Hương: Từ Thế Mộng, Nguyễn Bắc Sơn, Lê Văn Chính, Nguyễn Như Mây, Trần Thị Cỏ May, Nguyễn Phú Yên.

Như những lần trước đây, thính đường không còn chỗ ngồi cho một số đông thính giả đến sau. Thành công này có được bởi tài năng của một số nhà thơ đã gây cho khán thính giả một xúc động mạnh mẽ khi trình bày.

Đa số những bài thơ trình bày đều mang một nội dung của tình yêu và chiến tranh. Nổi bật nhất là các anh: Lê Văn Chính, Đặng Hòa, Phạm Cao Hoàng, với một kỹ thuật đọc thơ khá điêu luyện. Ngoài phần thơ, một số người có khả năng về nhạc cũng xen kẽ chương trình bằng những bài hát. (N.T ghi)

TRUNG BÀI TRANH HỒ ĐẮC NGỌC TẠI HỘI VIỆT MỸ ĐÀ NẴNG

Phòng tranh của họa sĩ trẻ Hồ Đắc Ngọc được trưng bày tại Hội Việc Mỹ Đà Nẵng từ ngày 11 tháng 4 đến 18 tháng 4 năm 1970. Đây là tranh của một họa sĩ trẻ lần đầu tiên trưng bày. Vì thế dù muốn dù không cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết. Nhưng giới thưởng ngoạn tranh anh cũng khá đông (đáng lẽ phòng tranh bế mạc vào ngày 18 tháng 4 phải nán lại 1 ngày nữa do sự yêu cầu của giới thưởng ngoạn). Điều đó là một an ủi lớn lao cho người sáng tạo và hy vọng với sự cố gắng sẵn có họa sĩ trẻ Hồ Đắc Ngọc sẽ còn tiến xa trong tương lai. (C.V.D ghi)

ĐẶNG TRẦN HUÂN

DI CẢO CỦA HEMINGWAY

Một cuốn tiểu thuyết chưa hề in của Ernest Hemingway đang được chuẩn bị lên khuôn. Nhân vật chính của cuốn truyện là một họa sĩ làm việc trên một chiếc tiềm thủy đình tại Cuba trong thời đệ nhị thế chiến. Cuốn truyện có cái tên cũng đầy chất phiêu lưu như đa số sách của Hemingway: Islands In The Stream (Củ Lao Giữa Giòng).

Đó là một tập bản thảo Hemingway viết cách đây chừng hai mươi năm. Bà vợ góa của nhà văn hào nghiên cứu mãi tập bản thảo trong nhiều tháng và bây giờ mới chịu cho xuất bản sau khi tuyên bố rằng: 'Truyện này ông viết hay ghê lắm! Chưa thấy truyện nào hay thế.'

Vợ mà khen văn chồng thì là lẽ thường tình, mặc dầu chồng nhiều khi cứ thích khen vợ người khác. Tuy nhiên, người Mỹ trên nhiều lãnh vực có vẻ dễ tính và ngốc nghếch, nên cuốn Củ lao giữa giòng của Hemingway khi in xong chắc chắn sẽ là một best seller.

KỶ GIẢ XUẤT SẮC NHẤT.

Thông tin viên Anthony Grey của hãng thông tấn Anh Reuter vừa được Cơ Quan Phát Hành Quốc Tế (I.P.C.) trao tặng giải thưởng kỷ giả xuất sắc nhất năm 1969.

Giải thưởng gồm 500 Anh kim được trao trong một bữa tiệc do cơ quan I.P.C. khoản đãi dưới sự chủ tọa của chủ tịch công ty than Anh quốc, Anthony Grey là kỷ giả từng bị quản thúc tại Trung Hoa đỏ suốt 26 tháng trời và mới được trả tự do hồi tháng mười năm ngoái. Kỷ giả Grey được tuyên dương về lòng can đảm và sự biết giữ gìn nhân cách trong thời gian bị giữ.

Cố nhiên lời tuyên dương này không do ông chủ tịch công ty than soạn thảo.



SÁCH BÁO MỚI

HONG BUỒN.— Thơ Hà Thị Châu Lăng Bạc Hồ Đắc Khôi, tác giả xb — ruột ronéo, bìa Typo, khổ lớn.

CHO CON VẬT HAI CHÂN.— Thơ Đoàn Huy Giao, tác giả xb, khổ lớn, phụ bản của Hồ Đắc Ngọc.

TUỔI TRẺ VA QUÊ HUƠNG.— Thơ Ngô Tuấn Anh, Tiếng Nói Cỏ Đơn xuất bản. Ronéo.

NĂM DÀI TÌNH YÊU.— Phạm Quốc Bảo dịch Ten No Yagao của Yoichi Nakagawa, Hồng Lĩnh xb, dày 160 trang, giá 145 đ.

THƠ TÌNH MÙA HẠ.— Thơ Đào Trường Phúc, Hồng Lĩnh xb, dày 100 tr, giá 100 đ.

QUẢ BONG BÓNG ĐỎ.— Truyện và tranh rút từ phim Le Bon Rouge của Albert Lamorisse, Thiêng Nga dịch, tựa Viên Linh, từ Nguyễn Hữu Hiệu, do Hoàng Hạc xb trong tủ sách Hạc Con.

Một tập truyện hình inset off nhiều màu, trên 70 trang khổ lớn, giá 55 đ, rút từ cuốn phim tuyệt vời về tuổi Thơ Ấu...

CỬ CHỈ ĐẸP CỦA DALI

Nhà danh họa Salvador Dali mới tặng Công Ty Hòa Xa Pháp Quốc sáu bức tranh nổi tiếng của ông để công ty này tùy nghi sử dụng vào việc làm bích chương quảng cáo. Nhiều người hơi ngạc nhiên về sự dễ dãi bất thường của ông họa sĩ rêu ghê đồng cuộc này. Nhưng nếu người ta biết Dali là một khách hàng trung thành của hóa xa Pháp quốc thì sẽ chẳng còn ngạc nhiên nữa mà hiểu Dali đã muốn tạ ơn tri kỷ bằng chính tác phẩm của mình.

ĐỀ TÀI ĐẸN GIẢI

Bức ảnh thời sự được trao giải Pulitzer vừa rồi là bức Steve Stars của thông tấn xã Associated Press. Tiền trúng giải không đáng bao nhiêu nhưng giải thưởng mang danh vọng cho tác giả nhiều hơn. Thực vậy, khi một nhiếp ảnh gia nào có ảnh đẹp được tuần báo Tim hay Newsweek chọn đăng lên bìa có thể được trả tiền nhận bút tối thiểu 1.000 đô la. Ấy là không kể những bức ảnh vô giá như ảnh tướng Loan bắn tên Việt cộng hồi Mậu Thân, ảnh Mỹ Lai, ảnh xác hai anh em ông Đặng sau khi bị giết v.v... Trong khi nếu trúng giải Pulitzer cũng chỉ lãnh một ngàn đơn thôi.

Nói tới đề tài khiến cho các nhiếp ảnh gia dễ chiếm giải phải kể ngay là đề tài Việt Nam. Năm 1966, Kyoichi Sawada thuộc thông tấn xã U.P.I. chiếm giải nhờ bức ảnh chụp một bà già, hai đứa trẻ và một thiếu phụ bằng con nhỏ đang bơi qua sông để tránh một vùng đang giao tranh tại Việt Nam. Trước đó vài năm một nhiếp ảnh gia khác cũng đã chiếm giải với bức ảnh chụp hòa thượng Thích Quảng Đức đang tự thiêu.

Tiếc rằng đêm 4 rạng 5.5.70 vừa qua ông không có mặt tại Việt Nam Quốc Tự để chụp thêm một vài bức ảnh nữa bổ túc cho tập album sẵn có.

Khoi Hành

TUẦN BÁO HỌC VĂN NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG
HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581BT/BC
NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ
SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON
ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT
TRẦN VĂN TRỌNG
Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VĂN
Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH
THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN •
ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN
H. THÔNG • DƯƠNG TRƯ LA
VỀ
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỲNH
TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu đề tên
Chủ Nhiệm • Bài vở đề tên
Thư ký Tòa Soạn • Giá 20đ.
mỗi số • Công sở giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khoi Hành xin miễn
gửi cho báo khác, và ngược lại •
Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu
không có lời yêu cầu.

ĐỌC «QUÊ NHÀ YÊU DẤU» CỦA NHẬT TIẾN

«Tình người là khởi điểm và tận điểm của tác phẩm – Lối văn trang nghiêm, mẫu mực»...⁽¹⁾

MỞ: thôn xóm tang úc mình trong bầu không khí thanh bình, giữa lòng miền Nam hiền hòa yên ả, bỗng choàng thức giấc tình hoàng trong lửa đạn. Chiến sự lan tràn, tàn phá từng làng từng ấp, tiêu diệt bao nhiêu sinh mạng, xua đuổi bao nhiêu dân lành, để rồi sau cùng chỉ còn lại nơi làng quê yêu dấu đó một lão già say và một người đàn bà khốn khổ. Qua ngót hai trăm trang giấy, tác giả mô tả tỉ mỉ mọi cảnh trạng của người dân quê miền Nam những nạn nhân quân quai trong cuộc chiến hiện tại, những người càng ngày càng mất đi hết tất cả, mất đến độ không còn gì để mất, mà không hiểu tại sao, tại sao họ lại phải gánh chịu những nỗi thương đau cứ chồng chất thêm mãi, dù họ chẳng chọn lựa gì, chẳng tha thiết gì với bên này hay bên kia. Điều mà tác giả nhấn mạnh qua những sự kiện hay hành động và lời nói của các nhân vật trong cuốn truyện dài này là người dân chỉ khao khát được sống cuộc đời tầm thường của họ giữa cảnh thanh bình, được hòa mình với đồng bào giữa lòng quê hương yêu dấu, với hạnh phúc đơn sơ, hiền lành, bên ngoài mọi lập trường, mọi phe phái. Và đó là khát vọng của từ đứa trẻ thơ đến người già nua, từ người dân cày đến người lính trận xuất thân từ thôn dã. Nhưng niềm khao khát đó chỉ là ước mơ vô vọng, những nhân vật hiền lành chất phác của tác giả không được sống với ruộng đồng, họ phải lìa xa xóm làng, bỏ lại những căn nhà đang bốc cháy dưới làn bom, trong lần đạn, họ tác tưởi, lủ lượt kéo nhau về các thị trấn còn an ninh để tị nạn chiến tranh. Quê nhà yêu dấu chỉ còn là hình ảnh nhòe nhoẹt sau bức màn nước mắt. «Khóc lên đi, hỡi quê hương yêu dấu», tên một tác phẩm ngoại quốc, cái tên đó cũng có thể gọi cho người đọc «Quê nhà yêu dấu» về nội dung của truyện dài này. Truyện khởi đầu trong cảnh «sương mai đang quyen lờ lững trên mặt cỏ» và kết thúc bằng cảnh những nạn nhân đi tị nạn chiến tranh «đang đắm đuối nước mắt».

Những nhân vật chính của cuốn truyện là cô bé Thu với người bạn nhỏ tội nghiệp là cô bé Hương kháu khỉnh, bị cut một chân và mồ côi cha; là lão Bảy Thà lầm lì, lè loi, uống rượu liên miên, chơi mọi người một mắt, con người điên khùng đó đã sớm mất hết tất cả trong chiến tranh: vợ, con trai và con gái lão; là cụ Phước bán quán có đứa con tên Hiếu đi du kích, biệt tăm, nhưng cụ vẫn tin chắc sẽ trở về một ngày nào đó trong tương lai; là thằng Tư mồ côi mẹ, sống lang thang như con chó hoang; là thằng On có cha đi tập kết, mẹ tái giá, mất hết tình thương; là Hoàng, người lính quốc gia xa gia đình sáu bảy năm trời, nay đánh trận nơi này, mai dời đi nơi khác, để đến lúc trở về quê với chiếc nạng gỗ bên mình thì vợ và con (thằng Tư) đều đã chết trong chiến tranh; là chị Huân – mẹ thằng On –, không thể chờ được người chồng tập kết biệt tăm, đành tái giá với anh dân vệ Bằng. Những nhân vật đó sống lẫn trong đám dân làng càng ngày càng thưa thớt, khi trận chiến càng ngày càng đe dọa tiêu hủy thôn xóm họ. Trong cuộc sống pháp phồng lo sợ đó, bao nhiêu ẻo lả ngang trái đã xảy ra, và cũng bao nhiêu cảnh cảm động đã diễn ra. Tình bạn thiết tha giữa Thu và Hương, hai đứa bé gái lủi thủi, khi chúng chỉ còn nhau, các bạn bè đã ra thành thị hết; tình bạn kỳ cục giữa thằng Tư, con một người lính quốc gia biệt tăm và thằng On, con một người bộ đội tập kết biệt dạng; tình chấp nối giữa chị Huân có chồng đi tập kết và anh Bằng dân vệ xã; tình mẫu tử cuồng nhiệt của cụ Phước với đứa con hiếu thảo tên

Hiếu trong một phút bị dồn vào bước đường cùng phải đi du kích, cảm động nhất là cảnh cụ Phước tiếp tế cho con trong rừng cây rậm rạp vào những lúc trời chập choạng tối, và niềm tin tưởng của cụ rằng đứa con sẽ trở về làng một ngày không xa; lão Bảy Thà say sưa, lèm bèm, nhưng lại dịu dàng chăm sóc cho cô bé tàn tật là Hương, đắp mộ cho đứa bé bất hạnh là thằng Tư... Chiến tranh gây nên mọi khổ đau, nhưng mặt khác nó lại là môi trường làm nảy nở những tình cảm lý tưởng, hiem hoi, làm rạng rỡ tình thương giữa con người và con người, thứ tình thương thắng được tất cả, bất chấp mọi trở lực. Người ta có thể thấy ở điểm này ý hướng của tác giả: cổ vũ cho những tình cảm cao thượng theo lý tưởng nhân bản cổ điển – hay giản dị hơn là theo luận lý truyền thống. Tình người là khởi điểm và tận điểm của tác phẩm, tình người nồng nàn, đôn hậu, tình người trong tiếng cười hồn nhiên và trong những giọt nước mắt chan hòa. Ở Nhật Tiến, từ tập truyện dài đầu tay của ông đến tác phẩm mới nhất, người ta luôn luôn thấy sự đề cao tình người như thế, một cách chuyên nhất và vô điều kiện. Bởi vậy, trong «Quê Nhà Yêu Dấu» nếu các nhân vật của ông, có bàn luận, hay cãi cọ với nhau gay go đến đâu đi nữa thì sau cùng cũng vẫn dẫn tới sự hòa giải tình cảm: giữa Thu và Hương, giữa cụ Phước và Bằng, giữa thằng Tư và thằng On, giữa lão Bảy Thà hai đứa trẻ đi hoang (Tư và On)... Tác giả lấy tình cảm làm điểm tựa

Hương bỗng chảy xuống ràn rụa. Nó quay lại sang phía bác Hoàng và chị Thu.

Cả hai người ấy cũng đang đắm đuối «mắt» (trang 201-202).

Đoạn văn vừa trích cho thấy những yếu tố nước mắt: hình ảnh quê nhà, ruộng nương, trong đó có tất cả văng và cơ nghiệp của những người tị nạn, lại hình ảnh lão Bảy Thà già nua, say rượu và là tốt bụng, đôi nạng gỗ làm cho Hương mà Hương chưa kịp nhận, sẽ không bao giờ nhận, sẽ không bao giờ được cảm ơn lão, sau cùng là Hoàng cịn nạng bên cạnh Hương chống nạng và Thu nậ bạn thiết của Hương, cả ba cùng cảnh ngộ ly hương đều là nạn nhân chiến tranh. Vì thế, tình cảm lộ dễ dàng qua những giọt nước mắt chan c

Sự dễ dãi của tình cảm là cái trớn đưa cho câu chuyện, là mẫu nối của những mảnh đau thương được kết lại. Theo cùng cái trớn một nội dung xã hội (làng quê trong trận cđ đây tình cảm đôn hậu dễ lị đi đó, mạch văn của già cũng tuôn chảy đều đặn. Từ đầu đến cuối phẩm, giọng văn không biến đổi. Tả cảnh thôn đồng ruộng, tả các nhân vật, kể những câu chuyện về mỗi nhân vật, hay thuật lại những lời thoại văn Nhật Tiến luôn luôn chặt chẽ, nhàn, êm ái, với những từ ngữ rất chọn những hình ảnh được chọn lọc, nội văn liền chuyển ý và chuyển toàn một cách thanh trọng, đáo. Tóm tắt, đây là lối văn mực thước. Mực th trong những lối tả cảnh: «Buổi sáng ở nhà quê ả lạ lùng. Có tiếng chim hót trong khóm lá, tiếng cánh khô gầy ròn dưới bước chân ai dẫm bòn cò. Và qua những bụi dưới đại um t cánh rừng sương nước hiện ra như m ngàn tầm vóc chói lóa ánh sáng» (trang Mực thước trong lời thuật những câu đối th «Tư ngắm nghĩ rồi nói:

— Đề viên đạn này nổ banh xác nó ra, m khiêng một đúi về hầm, ăn được cá tháng.

— Sao mày vừa nói là đạn không còn nổ n

— Mày không biết cái gì hết. Đề yên thì kh sao hết. Nhưng dù nó nổ bấp lữa: nó sẽ nổ tu

— Thiệt vậy sao?

Thằng Tư vênh mặt:

— Sao không thiệt. Chắc chắn là vậy mà. M đi kiểm củi đi. Tao sẽ làm cho coi.

Chúng nó vun được một đống củi để n cạnh mình con trâu...» (trang 159).

Tác giả để cho thằng Tư và thằng On là đứa bé nhà quê ở miền Nam nói chuyện với n bằng những lời lẽ chải chuốt theo lối người lớn m Bắc như thế. Ông cho các nhân vật ở thôn c miền Nam dùng những tiếng như «bố tôi», «hỏi gi» «ngồi lữ» «không bao giờ bố tôi làm như thế» vãn vãn, đó là những tiếng đặc giọng Bắc, mà t giả cho nhân vật nói xen lẫn với những tiếng k đặc giọng Nam ở cùng câu. Luôn những lời c đáp giữa các nhân vật có một vẻ trang trọng d biệt, với những tiếng «là» «thì» «mà», «vậy», «sẽ», «ch «làm sao»... Nghĩa là tác giả không cho các nh vật nói bằng ngôn ngữ nói, ông tạo cho những l đối thoại hàng ngày của giới bình dân một ngôn n viết. Khởi đầu của mọi nền văn chương là ngi ngữ nói, sau đó được ký hiệu hóa, dần đi được kiện toàn để trở thành ngôn ngữ viế (xem tiếp trang 1)

NGUYỄN NHẬT DUẬT



sau cùng cho mọi liên hệ giữa các nhân vật. Tình cảm ôn hòa, thâm thiết, mà cũng là thứ tình cảm dễ dãi của người bình dân hiền lành, dưới mắt nhìn trường giả của nhà văn. Thế nên trong tập truyện dài này, nỗi đau thương của người dân quê thời chiến luôn luôn được diễn tả một cách thật hạnh phúc bởi tác giả là người khác giai cấp nhưng dễ cảm thông dĩ hòa đồng tâm thức với đám dân cùng khổ đó. Sự dễ dãi của tình cảm biểu lộ bằng những giọng nước mắt chứa chan, và những giọng nước mắt không thể không tuôn chảy trong những hoàn cảnh nào nề không còn gì nề hơn. Diễn hình trong đoạn cuối cuốn truyện: «... Tất cả đều hướng về phía quê nhà đang cháy đỏ. Và tất cả đều im lặng đến độ như đều cùng nghe thấy được tiếng tre nứa nỏ lép lép trong lửa đỏ, tiếng tường vôi nứt nẻ trong cơn nóng thiêu đốt, và cả tiếng chuyển mình đôn đau của mạch đất khô cằn.

Trong đám người tị nạn đó, Hoàng tìm đến chống nạng đứng cạnh Hương và Thu.

Hương được bỗng lên ngồi ở trên mũi một chiếc xe vận tải nhà binh. Thu đứng kế bên, trên một cái thùng gỗ. Những cặp mắt vẫn đắm đắm hướng về phía có quãng mây đỏ ủa.

Hương nghĩ đến ông Bảy Thà và đôi nạng gỗ của ông có khắc những cảnh hoa và cảnh chim. Đôi nạng mà không bao giờ Hương được xữ dụng, cũng như không bao giờ Hương được ngó lời cảm ơn về công trình quý giá ấy của ông. Nước mắt của

(1) «Quê Nhà Yêu Dấu» truyện dài của Nhật Tiến Huyền Trân xuất bản, 1970, dày 202 trang, giá 150 đồng.

Buổi sáng, chiếc xe chết tiệt không chịu nổ máy, dù tôi đã cố gắng, kiên nhẫn làm đủ các «phù phép» như chờ «bu di» gài số dây... cứ như thế mãi đến 20 phút chỉ còn 5 phút nữa là 8 giờ. Tôi thót lên chạy như điên. Đến ngã tư suýt tông vào một chiếc xe Jeep đang chờ «cậu ấm cô chiêu» đi học.

Buổi trưa, nhận được một bức thư ở xa, tôi thấy vui vui. Ghé vào quán nước bốc thư ra đọc...

Buổi chiều lại trở về trường: học quân sự học đường! Ngồi trên bãi cỏ nghe ông Huân luyện Viên nói thao thao về tổ chức, hệ thống của quân đội. Tên bạn ngồi kế bên lâu lâu, chửi rủa rồi than: — Năng quá! Tôi che miệng ngáp một cái muốn sai quai hàm; đưa tay mân bết mấy con cò dưới chân. Hết giờ. Nhìn đồng hồ thấy còn sớm, tôi ghé vào thư viện trường mượn quyển «A Farewell to Arms» của E. Hemingway. Khi về đến ngã tư ghé vào, mua tờ báo. Những hàng chữ lớn đậm nét: S.V. tuyệt thực, bị cảnh sát bắt... cùng với những hình ảnh những người S.V. bị cảnh sát xô đẩy lên xe, tôi thấy «buồn nôn» (nói theo kiểu G.S. Lý Chánh Trung). Ở tỉnh Mỹ Tho này không khí vẫn bình thường, trong khi ở S.G. sôi động. Đó là điều đáng vui hay đáng buồn? Dù sao, tôi vẫn khổ sở mang mặc cảm của một người hèn nhát. Tôi chợt nhớ hôm nào đến nhà một người bạn thân chơi. Thấy ở trên giường có mấy quyển kiếm hiệp rề rề, tôi ngạc nhiên hỏi: Anh cũng đọc cái này nữa à. (Vi trước kia thường thấy anh ta trầm ngâm trước những quyển sách của Hermann Hesse, Camus, Phạm c. Thiệp...) Anh ta cười cười trả lời: chứ sao! đọc hăng đi chứ. Nhưng một lúc sau, anh ta buồn rầu nói giọng thấy xuống: «Cậu thấy đó bây giờ tôi đang sợ suy nghĩ như sợ một thứ vi trùng độc. Suy nghĩ có ích gì cơ chứ? mình có khả quan hơn không?» Tuy không đồng ý nhưng tôi thấy anh cũng có lý. Lúc trở về anh ta đưa cho tôi mượn một cuốn kiếm hiệp nổi, đem về coi đỡ buồn. Tôi cười cười nói, tôi đã «đổ buồn» từ lâu rồi. Thôi kệ cứ đem về đọc chơi.

Buổi tối, đem quyển sách của E. Hemingway đã mượn ban chiều, ra bàn định đọc. Nhưng cái Radio ở nhà kế bên vẫn âm ỉ, khó chịu: «chương trình quân nhân học tập!» Ôi những cái cười vô duyên và những câu tuyên truyền hạ cấp, rề rề của 2 ông «thọ» nào đó, nghe thật nản. Tôi đành khó chịu xếp sách lại, mặc quần áo đi lang thang. Ra đến đầu ngõ hẻm, tấp vào một quán café gần đó, gọi một ly café. Ly café thứ hai trong ngày... Δ

2.4.1970 QUI NHƠN

NGUYỄN PHONG HÀN—21t.

SU. PHẠM QUI NHƠN

Tôi đi lẩn vào trong hè phố, nắng Qui Nhơn thật là gắt. Tôi nghĩ đến căn gác tí xiu, nóng đỏ lửa đang chờ đợi tôi mà tự dưng thấy cái kính với chính mình.

Ngày tôi mới đến Qui Nhơn, thành phố đẹp trong ước mơ. Bây giờ khi đã đối diện với nó, tôi mới thấy bề trái của cái thành phố mặt trời này. Cũng vẫn đi diêm, rác rến, bụi mù như bất cứ thành phố nào có sự hiện diện của người ngoại quốc. Tôi lang thang với nỗi cô đơn chồng chất, những thằng bạn thân đã chia tay, đứa còn ở lại phố cũ, đứa năm năm trường, đứa đang chiến đấu hay ngổ ngáo nơi một tiền đồn hút heo nào đó. Tôi nhớ Vinh Điện vô kể, thành phố buồn thăm ngày xưa, đã chết chịu cho tôi từng kỷ niệm. Nhiều lúc tôi muốn bỏ quách nơi này rồi vào Nha Trang trình diện nhập ngũ. Nhưng tôi không đủ can đảm để làm. Tôi còn bà mẹ già đang tần tảo từng đồng gửi cho tôi ăn học, với niềm hy vọng là con mình khỏi tham gia vào cuộc chiến bi thảm này. Tôi không dám ra đi đành chấp nhận hiện tại với những chán chường phần nộ.

Buổi chiều tạt qua một tiệm sách, những lời

Ký viết về Trang về Chuck, về tôi, trong trang Nhật Ký Chung tuần báo Khởi Hành làm tôi buồn buồn. Ký chép lại những vần thơ của tôi mà ngày xưa hẳn rất thích, thêm một thằng bạn nữa đã ra đi—Võ thành Văn — Nó đã tìm một chỗ nằm lặng lẽ giữa quê hương. Tự nhiên tôi nhớ đến hai câu thơ của Châu Liêm «Tuổi mới hai mươi đời xé nửa — Từ đây đầu dăm hẹn tương phùng» Ký! Thằng Dũng thằng Thạch đã mạnh dạn ra đi, và bây giờ lạc loài mò dõ ở Gia Định. Không biết tại nó còn ôm ấp mơ hoài bão. «Một tay gậy dựng cơ đồ» hay không. Chúng mình, chắc chắn sẽ không làm gì được với cái xã hội thối nát này. Tao thêm được sống lại thời thơ ấu nơi phố thành Vinh Điện, được được lặn hụp trong lòng Thu bồn xanh trong, để tìm lại chút ngọt bùi chúng mình đã đánh mất. Tao nhớ mãi đêm cuối cùng, tao và mấy gặp nhau, hai thằng nằm dài trên toa xe lửa trông ga Bình Khê Qui Nhơn, đọc thơ cho nhau nghe. Đời tại mình chỉ còn có chừng ấy, cả phê, thuốc lá, gái và thơ, chừng đó đủ nuôi hồn mình sống phải không mày!

Tao vẫn sống một mình, với cái nghề «précepteur» muốn thuở. Vùng sương mù cô đơn vẫn là một trường sống của tao, Tao sống với thơ như người ta sống với cơm gạo, không biết đời tại mình rồi sẽ ra sao, chết nhà thương như Thằng Nhượn, chết bụi chết bờ như thằng Văn, hay gửi lại chiến trường một phần thân thể như mày nói về Hạnh.

Đời tại mình như con chó mầy nhí: Hết lủi thủi rồi lại lang thang lúc nào cũng thiếu áo thiếu cơm. Con gái nhìn tại mình bằng nửa con mắt, thứ dở thầy dở thợ như lũ tại mình. Δ

ĐÀ NẰNG

ANH HỒNG

Chiều nay, thứ 7 lại xuống phố, chắc K. Hành đã về rồi. Mình ghé vào Việt nhà sách đường P.C.T, rút trong túi ra đồng bạc kền 20 và thêm 2 đồng bạc lẻ, cầm tờ K. Hành. Tính mình nóng nảy lật ra có gì mới lạ, dù tờ báo vẫn còn nguyên chưa rọc mở hé ra hai trang đầu, nhìn vào nhật ký V.L, mới hàng đầu đọc được bốn chữ «nhà văn Phú Đức». Thấy cái tên lạ lạ, lại tính tìm tôi, nồn nóng bằng trở ra cỡi xe về nhà, liền tới nhà sẵn có con dao trên bàn mình liền rọc lia lia. Mình bắt đầu đọc nhật ký, đọc được hai hàng đầu, thế là một người đã ra đi (Rứa cứ tưởng ông này cho xuất bản truyện, thơ gì, chờ ngờ đâu...) Cốt ý của mình là để tìm xem tác giả mới. Đọc tiếp tới chữ «trần tại Gia Định», mình nghĩ một chập lâu suy ngẫm, thử có nhớ nhà văn này mình đọc chưa (hình như chưa bao giờ thấy và đọc.)

Ngồi đọc nốt mấy dòng nhật ký của V.L, tìm hiểu thêm V.L nói gì thêm về tác giả này. Đọc hết trang nhật ký đầu, mình cảm thấy một nỗi thương tiếc nào sâu xa lắm, ngày hôm nay đã có một người đã ra đi, một bông hồng văn nghệ vừa rụng. Dù mình chỉ là một thằng nhóc con, nghĩ mình mới 19 tuổi (1951) mà người tới 70 (1900). Hai con số sau cùng: 00 đến bây giờ 70 chẵn, trong lúc mình mới được 19 tuổi, đáng là cháu nội, cháu ngoại thứ mấy của người.

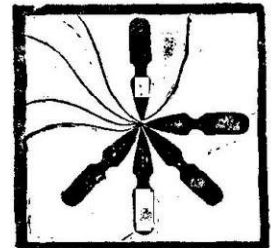
Nhưng không xúc động nào và cũng không một lần kinh ngạc nào của chính tôi đến thế, đọc vừa đến đoạn «Phú Đức còn lên bác sĩ sửa lại bản thảo tác phẩm của ông...» Mình là một thằng nhóc tí bấu khầu, khi đọc đến phải rùng rợn cả người, hướng chỉ là ai nữa.

Sống chết vì văn nghệ, thật đã là «nợ văn chương». Nợ văn chương kéo người cho đến tận hơi thở phi phào cuối cùng. Mình cảm thấy mình ra nỗi vẫn làm sao (?)

Mình là kẻ hậu sinh, khâm phục lão tiền bối, mình muốn bây giờ chấp cánh bay vào Gia Định «cực nhìn tỏ mặt ông». Trước khi ông xuống suối vàng, con một lòng nguyện cầu ông được khương tại, hồn ông còn mãi phảng phất đầu đây, cho đến con cháu ngày sau được nhờ. Con cúi đầu khấn vái ông. Δ

Sáng nay, dạy thế lớp cô Khê. Tôi cho học trò ca hát, sau khi học tập mệt mỏi. Tôi hỏi một em gái Liên đội phó. (Chức vụ theo cách tổ chức hàng đội tự trị của nhà trường) là lớp này các em thuộc những bài ca nào? Nó bảo: «Thưa Thầy: Bài «Trả lại tuổi trẻ». Nó nói không rõ. Nhưng tôi hiểu ngay rằng đó là bài hát của P.D. Vang, Trả lại... Đầu đề ấy tự nhiên hấp dẫn tôi. Tôi bỗng cảm thấy nhột nhột buồn. Tôi bắt nhịp chúng hát. Chúng hát rất hay, rất nồng nhiệt và rất sung sướng! Chúng vừa hát vừa vỗ tay. Lời ca những đứa con nít em ngọt, trong thanh, nhưng tôi lại cảm thấy có một thánh thót cái gì luyến tiếc và sâu muộn mớ hồ...

Câu hát Trả Lại Tuổi Trẻ in đậm vào lòng tôi. Phải rồi! Các em hãy hát nữa đi. Hát mãi đi, hát hoài! Hát làm sao để đòi lại được tuổi trẻ của các em, các Thầy của tất cả đàn anh của các em, Tuổi có nghĩa, có lời mà chúng ta chưa bao giờ được thụ hưởng. Hãy đòi đi. Các em hãy đòi cho các em, có Thầy và bè bạn của Thầy. Đòi lại đi cái tuổi hồn nhiên, vui sướng. Đòi lại đi một cuộc sống Thanh bình. Đòi lại đi những buổi sáng nó đùa bỡn bướm, hái hoa. Đòi lại đi những buổi chiều rong chơi, bơi lội. Đòi lại đi những tháng Hạ thả diều, những mùa Hè phượng đỏ nở tung bay. Đòi lại đi



NHẬT KÝ CHUNG

1970

những mùa Xuân ấm êm đoàn tụ. Đòi lại đi những ngày mùa Đông giá rét áo ấm, cơm đầy. Đòi lại đi! Hãy đòi lại đêm. Em, hãy đòi lại đêm Thầy! Thầy bắt lực rồi! Thầy đã phá hoại tuổi Xuân. Phải, tuổi trẻ của Thầy: Học hành, yêu đương, sự nghiệp... Đó, em thấy không. Đờ vô hết rồi. Tan nát hết rồi. Đàn anh các em như kẻ tạt nguyên lệ kết trên vụn nẻo đường chiến cuộc để tìm ra 2 chữ Thanh Bình.

Thanh bình đi! Các em hãy đòi đi! Hãy nhảm danh những người vô tội, gào thét lên đi! Gào thét to lên. Hãy đòi lại Yên vui no ấm, Hạnh phúc nó đùa...!

Các em hãy hát nữa đi. Bài ca ấy đã làm Thầy muốn khóc. Tuổi trẻ ơi, mi đánh bỏ ta sao? Mi chết rồi chẳng? Mi còn sống lạc loài, bơ vơ và Phù Thủy, chui rúc đó ư? Hãy trả lại tuổi trẻ cho tất cả mọi người, cho tất cả con tim. Đừng cướp của chúng tôi, để làm riêng tư cho một thiểu số... Đòi sống bằng an: hãy trả lại mọi người! «Các em hãy hát nữa đi! Cảm ơn các em! Cảm ơn người tạo tác bài ca đó. Cảm ơn thật nhiều và thương hại tôi thật nhiều. Tuổi trẻ ơi! Đêm nay ta buồn! Δ

VŨNG TÀU

NGUYỄN DU CA — 19 tuổi

Tôi nghĩ đến thằng Thanh. Một thằng bạn từ Đồng Đế mới về. Mới đầu gặp nó tôi nhìn không muốn ra. Người nó đen như gương mặt khắc khổ, lạnh lùng. Sau lúc mừng rồi, hai đứa kéo nhau đi nhậu đến bây giờ. Cái thằng... Mối cách xa nó có mấy tháng mà nó thay đổi nhiều ghê! Hồi đó nó đâu biết uống đế. Thế mà bây giờ nó nói đế mới đã

chứ bia không thấm. Tôi lắc đầu nhìn nó. Nó thay thế thay đổi rồi! Nhưng tôi ngạc nhiên là nó thay đổi nhiều quá! Từ lời nói, cử chỉ, đến cách đi, đứng. Tôi nhớ hồi trước nó đâu có đệm thêm hai tiếng Ờ. M ở đầu câu nói. Thế mà bây giờ... Tôi hỏi thì nó cười trả lời:— Ờ.M mầy nghĩ coi. Vô lỉnh tui nó chứ mình không lẽ mình nhin. Ờ.M mầy bỏ lớp thư sinh nho nhã đi thì vừa. Chứ không vô đó tui nó chứ cha mình. Nghe nó nói tôi chỉ cười lắc đầu chán nản. Tôi nghĩ đến lúc mình vô lỉnh. Chắc lại cũng như vậy. Mà thôi, đến đâu hay đến đấy. Lo trước làm quái gì cho mệt.

Tôi đưa tay lên túi tìm gói thuốc nhưng đã hết từ lúc nào. Tay lại đụng lá thư nhàu nát của Vân nhận được từ lúc chiều. Con buồn bất chợt ập đến. Tôi tưởng là không còn nhận được thư Vân nữa, nào ngờ... những lời lẽ trách móc của Vân còn in rõ trong trí. Chuyện cũng không có gì. Cũng chỉ là những hiểu lầm của tuổi trẻ. Tôi sẽ trả lời Vân. Nhưng có lẽ còn lâu lắm. Bây giờ thì tôi không còn thiết tha gì nữa. Tôi muốn yên thân. Muốn thu mình trong cuộc sống trầm lặng của tôi. Không muốn vướng bận vào một mối cảm tình nào nữa hết. Tôi như con ngựa thăm mệt, muốn yên nghỉ dù sự yên nghỉ đó là một yên nghỉ vĩnh viễn...

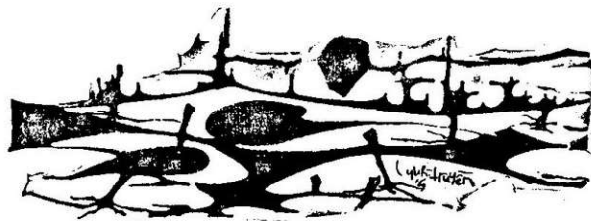
Tiếng rú gấp rúc của một xe cứu thương ở đầu đường làm tôi bàng hoàng trở về thực tại. Chiếc xe vút qua như một cơn trốt. Tôi quay lại nhìn trong ánh sáng quay tít đỏ rực của cái đèn gắn trên mũi xe tôi còn nhìn thấy hai người nằm sóng soài dưới sàn xe. Tôi tiếp tục bước trong cơn vắng vấp và đến phủ chụp tâm hồn...Δ

RỪNG CHÍ LINH, NGÀY 11-4-70 VŨ THY LĂNG TƯỚNG

Đêm nay có khác những đêm đã qua đâu! Vẫn gió rít từng cơn buốt lạnh, vẫn sóng rì rào bên kia ngọn đồi, vẫn mấy lời tâm niệm ru êm, vẫn giọng trầm trầm nhưng thành tâm khản thiết của anh Chí Huy Trường đã gieo vào lòng mọi khóa sinh khóa 1/70 Cán Bộ Kỹ Thuật một ý chí quyết khởi, một lý tưởng để đấu tranh cho ngày mai nông thôn được phát triển, hầu đem lại cảnh thái bình an vui cho dân tộc. Vẫn ngân thức ấy xảy ra đều đều từ hơn một tháng qua, thế mà đêm hôm nay mình buồn là lạ. Những tưởng kỷ niệm xưa đã nằm im trong tâm khảm, nào ngờ giờ đây chúng khuấy động một cách mãnh liệt như sóng vỗ bờ.

Nhớ lại một thuở của những ngày còn cắp sách đến trường, bạn bè bủ hi bên nhau với bao ước mơ không bờ bến, nụ ái trên nghe sâu đậm ở bờ môi, lòng chân thật ngây thơ trên màu mắt của Thanh, Phước, Vân, Mẫn và cả của mình nữa đã khuất chìm trong ảo vọng, còn lại chẳng chỉ là sự rạn nứt của tâm hồn ở mỗi đứa chúng mình, có phải không tại bay? Đâu còn gì nữa trong tâm tay với của chúng ta! Khi tuổi mộng đã mờ xa theo cánh gió, khi cuộc đời dần mặt trước chiến tranh thì ước vọng cũng nhạt màu trong ý nghĩ. Và giờ đây bọn mình thật sự bắt đầu nhập cuộc; mà hành trang chỉ có hai bàn tay trắng với mớ mặc cảm thấp hèn, thua thiệt. Một sự dẫn thân mà ngày xưa bọn mình không giờ nghĩ đến, nhưng dù muốn dù không ngày hôm nay mình vẫn phải chấp nhận lựa chọn trong những hướng đi mà người ta đã sẵn dành cho tuổi trẻ hôm nay. Nay Cường, nay Thái, chắc hai đứa bây cũng tự mản khi chọn binh nghiệp làm con đường tiến thân rồi chứ gì? cũng như thằng Phước đã vui vẻ lấy cuộc sống hải hồ làm lối thoát? Riêng tao, tao đã chọn màu áo đen để khoác lên cuộc đời, màu đen là màu dân tộc, màu áo của nông thôn. Thanh, Hải, Hiệp ơi, tại bây đứng nghĩ màu đen là màu của đêm quê hương, của đêm Việt Nam đắm chìm trong bóng tối, và cũng đứng nghĩ màu đen là màu của ngục tù, xiềng xích, của dân tộc nô vong; mà tại bay hãy nhận thức rằng màu đen là màu của quê cha đất tổ, là màu sinh lý của người nông dân chân lấm tay bùn, nhưng tấm lòng thành thật chất phác, và màu đen cũng là màu tóc của tuổi trẻ chúng ta, là màu mắt của người phương đông cổ kính. Tại bay

XEM TRANH HỒ THÀNH ĐỨC



HUỲNH HỮU ỦY

Tại cơ sở Pháp văn Đồng minh hội họa sĩ Hồ Thành Đức vừa tổ chức cuộc triển lãm tranh ông, với 29 bức tranh mới nhất theo kỹ thuật tiếp giấy (collage), do những nỗ lực của hơn nửa năm nay. Phòng tranh mở cửa từ 1/5 và đã kéo dài đến 10/5.

Đây là một phòng tranh đầu tiên được sáng tác theo kỹ thuật này, nên đã gây được những sự chú ý, ngạc nhiên và quyến rũ vô cùng đặc biệt đối với người thưởng ngoạn, từ phương diện hình thức, kỹ thuật biểu đạt và cấu dựng mới mẻ, đến một nội dung phong phú, phát tiết một thế giới hết sức cá biệt, sâu thẳm, ám đạm, trầm mặc và thơ mộng.

Trong truyền thống lịch sử hội họa thế giới, kỹ thuật collage này đã được sử dụng khá lâu. Khởi nguồn từ đầu thế kỷ tại Mỹ châu, nhưng nó đã được đánh một dấu mốc quan trọng từ 2 họa sĩ lớn Picasso và Braque. Tuy nhiên, kỹ thuật này đã không gây được những đam mê lớn lao gì cho lắm ở các nghệ sĩ.

Braque và Picasso đã dùng những mảnh giấy nhỏ để tiếp thêm vào chất liệu sơn dầu. Họa sĩ Braque đã dán vào tranh những mảnh giấy nhỏ có matiere là một thứ đá vôi cầm thạch giả. Tuy vậy, hai họa sĩ lập thể tiền phong này không hoàn toàn sử dụng đến kỹ thuật tiếp giấy, ấy chỉ là một thứ chất liệu giúp thêm vào chất liệu sơn dầu mà thôi. Xa hơn nữa, theo một số tài liệu mà họa sĩ Thái Tuấn giữ được và cho biết, ở Nhật, từ thế kỷ XI-XII, các họa sĩ Nhật cũng đã khai thác đến kỹ thuật collage, nhưng chỉ chuyên vào loại tranh decoratif.

Có những nền tranh như những tấm kính pha lê rạn vỡ tuyệt đẹp, hay có vẻ như đồ khảm (mosaïque), như bức «Thiếu nữ áo chim» (số 3). Ở đó, là một thiếu nữ và áo cánh vẽ đầy chim trên một nền xanh xám. Thường thì dường như Hồ Thành Đức không chọn lựa một trường phái hội họa nào rõ ràng, chính xác để dẫn thân vào đấy. Thế giới tranh ông, nếu sắp xếp dưới nhãn quan một nhà phê bình, thì ông đã bay nhảy từ trường phái này đến trường phái kia, từ trừu tượng đến biểu tượng, ẩn tượng, hiện thực. Thực ra; hà tất phải chọn trường phái nào, miễn rằng khi xem tranh, người ta biết ngay đó là tranh ông, ấy đã là quá đủ. Trong bức tranh «Chim và Thành phố» hay «Tĩnh vật», thế giới hoạt động ở đó chỉ còn là những mảnh màu sắc, những khối sắc độ, ánh sáng một cách trừu tượng, bằng vào sự tương phản của màu sắc (contraste des couleurs). Người xem tranh sẽ nhận ra một bầu trời đầy chim bay lượn bên trên thành phố hay những vật thể sắp xếp yên tĩnh. Trong những bức tranh vẽ paysage của ông, phố xá, nhà cửa đã được thanh lọc qua tinh túy của tâm hồn nghệ sĩ. Múa đông ở Huế (số 25) chỉ là những mái nhà rêu phong, thành tường xưa, dưới bầu trời mây khéo sẫm xuống thấp, đã lọc lại nhiều lần qua một kỷ ức, qua những tấm màn hồi tưởng. Thành phố cổ kính ấy xuất hiện trên tranh chỉ bằng những đường nét tượng trưng, nhưng thoát tiền nhìn vào ta vẫn nhận ra ngay ấy là Thành phố Huế mùa đông. Có lúc

tranh Hồ Thành Đức là sự ghi lại một thực tại đứng trước mặt họa sĩ. Chiếc bình cầm mấy đoá hoa: Hướng Dương, cạnh một vài cái bình khác và một cành Sứ trơ lá (Tĩnh vật và Hoa, số 27). Điều đặc biệt đáng kể nhất ở tranh Hồ Thành Đức, ấy là ông đã dùng một kỹ thuật mới, 1 cách tạo hình mới mẻ để phô diễn một thế giới quan cổ điển.

Và có lẽ vì để biểu cảm những u trầm của tâm hồn, ông thường dùng màu sắc hòa hợp theo thể điệu ton sur ton, sự hòa hợp này dễ gây nên một nỗi buồn thẳm và cô quạnh trên toàn diện.

Tranh Hồ Thành Đức với những điểm thành công đáng kể trên, vẫn còn mắc phải một vài khiếm khuyết, sơ suất đáng tiếc, nhất là trong cách bố cục. Ví dụ, với bức tranh vào loại tuyệt đẹp nhất trong phòng tranh này, bức «khôa thân xanh» (số 29), là 3 thiếu nữ khỏa thân đứng thẳng cạnh nhau, ở phía bên dưới ông vẽ thêm một thiếu nữ khỏa thân khác đang ngồi, để tạo thành một sự cân bằng cho bố cục, sợ rằng bức tranh dài quá, đều đặn quá. Nhưng, có lẽ có thể cứu vãn được ngay bằng chính màu sắc, nếu không vẽ thêm thiếu nữ ấy vào mà chỉ cần vẽ một đoá hồng đỏ đặt ở bàn tay thiếu nữ thứ nhất hay thứ 3, tức là cái Point riche của tranh, có lẽ bức tranh sẽ điều hòa và ám áp hơn nhiều. Một hôm, nhân nói chuyện với tôi về bức tranh này ngay tại phòng tranh, họa sĩ Thái Tuấn đã đề nghị vẽ bức tranh ấy theo hình vuông, bỏ bớt phần bên dưới (tức phần thiếu nữ khỏa thân ngồi), ông cho rằng đôi lúc phải hy sinh một số chi tiết, đừng ôm đồm. hay đừng ngại khoảng trống, để tạo sự chắc chắn cho proportion tranh. Điều này cũng có phần hợp lý, như vẫn đề những khoảng trống trong tranh cổ điển Trung Hoa chẳng hạn, Tranh Trung Hoa cổ có rất nhiều khoảng trống (vide), nhưng thực tình không trống tí nào, mà ngược lại đó là một không gian đầy. Nhưng, dĩ nhiên, ấy cũng chỉ là một quan điểm tạo hình riêng của Họa sĩ Thái Tuấn, bắt nguồn từ một kinh nghiệm sáng tác và suy nghiệm riêng mà thôi.

Nhìn chung, tranh Hồ Thành Đức thành công nhứt ở loại chân dung và những bức mà kỹ thuật gần như Vitraux trong truyền thống nghệ thuật từ thời Trung cổ (Tĩnh vật, Vũ khúc màu vàng, Chim và Thành phố, Đồ chơi của trẻ con).

THƯỜNG thì người làm tranh collage vẫn phải hệ lụy vào chất liệu trên giấy có sẵn. Hồ Thành Đức cũng không thoát khỏi được điều đó. Chọn màu sắc và chất liệu từ giấy bóng dĩ nhiên vẫn không được phóng túng, tự do cho bằng nhào trộn từ chất liệu sơn dầu, nhưng ở đây Hồ Thành Đức đã vượt được khá nhiều trở ngại, khó khăn. Ông làm chủ được kỹ thuật, tiền liệu được thế giới tranh ông, để đạt đến vũ trụ trầm mặc của ông. Ông vừa phát vẽ trước về bức tranh phải thực hiện và nhận ra được rằng bức tranh đó sẽ đòi hỏi màu sắc, chất liệu nào; Mặc khác, ông lại vừa khám phá ra những dessin, do những tình cờ nào đó phát hiện trên một thứ chất liệu nào đó. Điều này rất rõ (xem tiếp trang 15)



KHI anh Bầy khấn gỏi lên đường tòng chính, là lúc chị Bầy mang bầu đứa con thứ năm. Anh Bầy quả là người rủi mà may, kiểu "Tái Ông thất mã": sau thời gian thụ huấn ở quân trường, vì không đủ sức để chạy chốt chỉ đó, nên anh được hân hạnh vác súng lên đường diệt địch. Nhưng anh thuộc cái hạng người mà tổ quốc nóng lòng muốn mượn đỡ một bộ phận, của thân thể nên ngay khi vừa lâm trận, anh đã lãnh ngay một phát đạn vào đùi bên phải, phải cưa chân và thế là, anh Bầy có đầy đủ lý do để ca câu "Ngày trở về có anh thương binh chống nạnh hiền lành..."

Lẽ dĩ nhiên, như thế là cái số nhờ vợ của anh đã đến lúc được ứng nghiệm. Chị Bầy, vốn giọng giỏi con nhà buôn bán, nên cũng xoay xở dựng được cái quán nhậu ngay bên hông cổng một trại lính. Khi anh Bầy ca bài "Trở về mái nhà xưa" cũng là lúc quán của chị Bầy đã qua thời kỳ "ra mây". Từ xa, nhìn vào ngôi nhà mình ở trước nay đã biến thành một cái quán nhậu lai rai, anh Bầy ngỡ là bầu đoàn thể từ của mình vì tưng bần đã bán nhà bán cửa để đi tha phương cầu thực. Quán tương đối sạch sẽ, lại có bảng hiệu hẳn hoi với cái tên khá bay bướm: "Sinh Dân". Anh Bầy còn đang do dự chưa dám bước vào, thì có tiếng thằng Cu Lớn reo lên:

— A, bố về!

Chị Bầy nghe con reo tất tả chạy ra, nước mắt đã lưng tròng làm anh Bầy cảm động quá. Rồi con lớn con bé bu quanh: thấy đều ngấm ngấm cái chân cụt của bố và mần mề đôi nạng gỗ mới tinh. Mọi người tíu tít, chẳng ai nhớ đến việc kéo ghế cho anh ngồi nữa. Mỗi một lúc sau, anh phải tự tay kéo lấy một cái ghế đặt ba-lô xuống đất, và ngồi xuống, dựng đôi nạng vào cạnh bàn. Thằng Cu Lớn lúc ấy đã mười tháng, được mẹ nó bồng ra cho bố xem mặt. Thằng bé lạ bố, khóc ré lên. Mấy đứa nhỏ đứng xa xa, dương mắt lên nhìn. Chị Bầy vừa lau nước mắt, vừa mắng yêu các con:

— Sư bố chúng mày! Bộ lạ lắm sao? Sao không ra hỏi thăm bố chúng mày đi hả, con nhà mất dạy?!

Nghe mẹ giục hỏi thăm bố, con Tư mới rụt rè lên tiếng:

— Bố ơi bố, thế cái cẳng của bố, bố để đâu rồi hả bố?

Sợ chồng buồn, chị Bầy mắng ắt con:

— Sư bố mày! Bộ...

Chị chưa nói hết câu, thì anh Bầy đã cất tiếng cười vang, bảo con:

— Cái cẳng của bố ấy à? Hà hà... Bố gửi ở trên rừng rồi.

Con bé Tư trở mắt lên nhìn bố:

— Chỉ vậy bố?

Anh Bầy chỉ đôi nạng còn sáng nước véc-ni, cười hơi gượng gạo:

— Đều đôi lấy đôi nạng này nè! Con thấy đôi nạng đẹp dữ thấy không?

Con bé đang ngấm ngấm đôi nạng, thì thằng anh lớn của nó đã ra cái điều hiểu biết, quan trọng nói:

— Bé Tư ngu lắm, không hiểu gì cả! Bố hy sinh cho tổ quốc... một cái chân đó.

Con bé Tư mới năm tuổi, càng không hiểu gì hơn.

Thế ông tổ quốc xin cái chân của bố để làm chi vậy?

Thằng Cu Lớn chưa biết trả lời ra sao, chị Bầy đã xua lũ trẻ đi chỗ khác chơi, để được ngồi hàn huyên với chồng. Chị nói, giọng còn nghẹn ngào vì xúc động:

— Thôi thì thấy anh về, tuy không còn nguyên vẹn như trước, nhưng còn sống, em cũng mừng...

Anh Bầy nhìn vợ cười gượng gạo, rồi quay đi đưa mắt ngoảnh qua ra khoảng sân trước mặt với ý nghĩ: để nghỉ một hai bữa rồi cho tráng xỉ măng cái sân, trồng một đàn giấy leo và kẻ thêm vài cái bàn cho khách ngồi. Dầu sao, anh Bầy tự an ủi, mình chỉ mới mất có một cái chân thôi, còn hai bàn tay và khối óc đầy... Từ đây, anh sẽ yên chí sinh sống làm ăn, không còn phải thấp thỏm trốn tránh như cái đạo trốn quân dịch nữa... Anh Bầy quay lại nhìn vợ lúc đó đang nhét vú vào miệng con với một vẻ chịu đựng, song an bình. Tự nhiên anh Bầy nghe trong người rạo rức. Anh muốn thốt lên "Nè mình..." Nhưng anh tự kìm hãm lại. Anh nuốt nước bọt. Anh nghĩ đến buổi tối hôm nay lại được nằm trong căn nhà quen thuộc, bên người vợ đảm đang, nồng nàn những mời gọi. Trước khi đợi tổ quốc cảm ơn anh vì đã đóng góp cái chân, anh lại thăm cảm ơn tổ quốc trước... Và anh mơ hồ mỉm cười:

— Nè mình...

Chị Bầy chợt ngừng lên.

— Dạ. Anh gọi gì?

Anh Bầy mỉm cười băng quơ, nói qua chuyện khác:

— Tại sao lại "Sinh Dân"?

Chị Bầy không hiểu. Anh Bầy hất hàm về phía cái bảng hiệu:

— Cái bảng hiệu đó. Tại sao em lại đặt tên quán là "Sinh Dân"?

Chị Bầy cười xòa:

— Tưởng gì... Thì hồi mở quán, em sinh thằng cu Dân này nè, nên em đặt là "Sinh Dân", chứ đặt là gì bây giờ?

Anh Bầy gật gù, ra chiều hiểu ý. Nhưng ý nghĩ của anh vẫn luẩn quẩn bên cái vẻ mẩn mà gọi cảm của cái cảnh người đàn bà cho con bú. Chị Bầy bỗng kêu "à" lên một tiếng, mắng yêu con:

— Thằng chó! Lại cắn vú mẹ rồi! Khoe mãi mấy cái răng thôi!

Anh Bầy tẩn ngẩn nhìn bầu sữa căng của vợ nói:

— Cái thằng chó thật! Dành phần của bố không! Hư quá.

Dù bận bịu con Chị Bầy cũng thò tay sang nhéo chồng một cái nhẹ nhưng anh Bầy vẫn la lớn vì thú, hơn là vì đau:

CHỒNG với lại chả con! Rõ chán mở đời! Sao tôi khổ thế này hở trời ơi là trời? Sao ông trời không cho tôi chết đi cho nó rảnh có hơn không? Nhớ có một việc mà cũng không xong. Rõ một lũ ăn hại.

Nói xong, chị Bầy lại bật khóc tí tễ, làm Bầy đang nằm cố ngủ lại, nhồm đàu lên quát:

— Cầm cha cái mồm con đi già lại! không bẻ cở ra sau bây giờ! Thằng Bầy này bây giờ ki hiên lành như xưa nữa đâu, không nói rồi bỏ nữa đâu, nghen! Ông mà điên tiết lên thì chề lủ đấy!

Chị Bầy nín bật khi nhìn đôi mắt đỏ ngầu thức đêm và uống rượu của chồng. Thấy anh vùi đầu lại xuống gối, chị lại tiếp tục quát miệng gào:

— Anh uống rượu đấy, không đủ sao, mà bày đặt cở bực, có mười mấy ngàn để lấy hà anh nường sạch, bây giờ lấy gì ra mà buồn! lại bán bây giờ? Trời ơi là trời! Trời thử ngó xuống mà xem có khổ cái thân tôi không! Ồi, chề con ơi là chồng con!

Anh Bầy cảm thấy mệt mỏi, song còn cố nín:

— Mày có cầm cái miệng bố mày lại không? Bộ gào mà ra bạc dầy chắt! Ông mà điên tiết thì ông đập rảo. Chẳng buồn thì cũng đừng bán. Chị Bầy cũng không vờ:

— Đó, của ông đấy. Ông đập đi, đập cho chú tay đi! Đã què quặt ăn bám, mà chẳng biết thả còn bày điều!

Đến nước này thì không chịu được nữa. Dầu sao, cũng phải chứng tỏ cho con mụ biết mình không còn như xưa: hề nói là làm. Và anh Bầy chồm dậy, với đôi nạng ở góc nhà, không c chổng mà để phang hết mọi thứ trong vòng tay qu trong vòng cái chân còn lại cho phép anh là cò tó. Và anh càng đập, đập bàn đập ghế, đập tủ, đập gương, đập ly, đập chén, đập chai, đập lọ... Chị Bầy càu gào, anh càng điên tiết cho đến khi mệt lử, anh l ra giường thở, rồi thiếp đi, rồi thức dậy khi m thứ trong nhà đã được thu xếp xong đâu vào đấy, và đám quân nhân ăn cơm tháng hay nhậu lai rai, đã b đầu đến quán, và bóng tối đã bao trùm lên m vật, và chị Bầy đang lảng vảng vừa hồ các c bụng đồ ăn thức uống thì ền được ra cho khách vừa tích thân xin lỗi về sự thanh đạm quá mức t hôm nay.

Anh Bầy ngồi dậy, vòng tay ôm lấy đầu g chiếc chân còn lại, đầu óc rỗng không. Thì ra ar đã ngủ suốt từ sáng cho tới giờ. Anh đã làm nhưn gì? Tất cả như một giấc mơ dữ. Nếu không c cái về làm là không thêm nói nữa lời với anh c chị Bầy, nếu chị Bầy tỏ vẻ săn sóc đến anh, thì a sẽ tin chắc là mình vừa trải qua một giấc mơ ó vậy thôi. Chung qui vì anh buồn nản quá, Anh v lấy tờ báo bên cạnh chỉ đủ để đọc một cái "tức" k về cái phong trào chiếm đất của thương phệ bi đang xảy ra ở thủ đô. Một ý nghĩ lóe lên trong đ anh. Hay là...? Anh sẽ làm hòa với chị Bầy. Ar sẽ bảo với chị Bầy là anh sẽ "không bao giờ là phiên chị nữa, anh sẽ đi, sẽ tự lập lấy cuộc đời c mình, sẽ...

NHƯNG rất cuộc, anh Bầy không đi đâu c Anh vẫn ở nhà, mồ mằm làm hết công k đến việc nọ: như đóng lại c bàn op ẹp, cái ghế gãy, sửa lại cái hàng rào, dót thêm mấy cây da ngoài sân cho cây leo; quét rụng trên nền sân xỉ măng; và khi chiều xuôn nề nang khách quen lắm, anh mới ngồi xuống k đôi ba sợi nhậu lai rai với khách hàng. Anh còn nh mãi cái đêm quá chén, không kèm lòng được trư những câu nói khích của bạn bè, anh đã đem s tiền chị Bầy đưa cất hàng để nường sạch vào bà xỉ phé. "Nam vô tưu như kỳ vô phong, Nhưng na vô cờ như... quán vô kỳ" là một thằng cha hay ch rôm và say khướt đã khiêu khích anh như thế, v trong lúc say khướt, anh cũng nhận lời thách đ cho được! Không, từ nay trở đi, anh chẳng đại nư:

Tuy thế, dù không đánh bạc, nhưng anh v uống, trước ít, sau lại trở lại tưu lượng cũ. An còn gì nữa đâu mà chẳng mượn men rượu để què đời...
<https://tieulun.hopto.org>

Bây giờ, mỗi lần say, anh lại ra bàn luận về văn chương chữ nghĩa này nọ. Bởi anh còn cảm cái thẳng cha ngày nào dùng chữ nghĩa để khiêu khích cái chí nam nhi của anh, nên anh cảm thấy mình cần phải tỏ ra hay chữ để không còn dễ dàng bị lóa mắt vì chữ nghĩa của thiên hạ nữa.

Và đối tượng để anh trở tài hay chữ của mình là cái bảng hiệu của quán nhà anh. Cái gì mà «Sinh Dân»? ! Rõ thật là chữ nghĩa đàn bà có khác. Anh cảm thấy cần phải đổi cái tên hiệu sao nghe cho nó hay ho một tí. Và anh ngấm ngấm nghĩ một cái tên mới. Nghĩ chán, anh đem ra bàn luận với khách hàng, xem xem theo họ, cái tên nào hay, trong số những cái tên anh đã nghĩ ra như «Lạc Đế», «Hậu Đế», «Kim Đế và văn văn... Đế. Sở dĩ anh khoái chữ Đế, vì rằng anh khoái rượu đế lắm. Và đi xa hơn, anh lý luận: người ta đặt tên là rượu đế, vì khi uống vào thấy ngà ngà, lơ lơ, ngây ngất, bất cần đời, coi thiên hạ bằng vung, như một ông vua, một vị hoàng đế, nên mới có tên là rượu đế. Và anh thường ngâm nga:

— Một chiếc cùm lim chân có đế

Ba vòng xích sắt bước thì vương.

Rồi, đi xa hơn, anh tự ví mình như một thứ Cao Bá Quát bất đắc chí, hận đời, hận người, hận vợ hận con, hận công danh sự nghiệp và vv... hận. Và anh cứ tiếp tục nuôi mộng thay đổi tên cái bảng hiệu, làm như thể nhờ đó, anh có thể thay đổi được tất cả mọi sự, kể cả cái chân cụt của mình mà «ông tổ quốc» đã mượn đỡ để chỉ trao cho anh một tấm giấy chứng nhận tên Nguyễn văn Bảy đã hy sinh tặng cho...

Vâng, anh Bảy suy nghĩ lung lắm. Mỗi buổi

chiều, bên ly rượu đế, anh chỉ trầm ngâm vì mỗi một chuyện đó, như một nhà văn chọn cho tác phẩm của mình một cái tên gọi cho thật kêu, thật hấp dẫn đối với độc giả. Và anh cũng ít nói hẳn đi, ít lê nhè hẳn đi mỗi khi rượu vào. Lâu lâu anh lại còn ư ư ngâm thơ Cao Bá Quát nữa — những câu thơ anh nhớ được nhờ hồi đó được ở gần nhà một ông già trước kia là đồ nhô.

Không cần biết đến mỗi suy tư của anh Bảy, chị Bảy chỉ nhìn thấy có mỗi một điều, là: sau cái cơn tam bành lục tặc đó, anh Bảy bỗng thuần tính hẳn đi, không còn la vợ, đánh con mỗi khi rượu vào, không còn cay đắng về nỗi tàn tật nữa. Từ một người xấu tính ít học, anh Bảy bỗng hóa thân trở thành một kẻ trầm tư mặc tưởng, thav vì rượu vào lời thô bỉ ra, thì bây giờ rượu càng vào, thơ phú càng xuất khẩu. Ấu cũng là điều lành. Mắt mười mấy ngàn, chứ mắt nữa để đòi lấy một ông chồng trí thức như vậy, chị Bảy cũng không tiếc. Rồi từ đó, chị đâm ra ân hận vì đã có lúc nặng lời với chồng, đã có lúc gớm ghiếc cái con người tàn tật ăn hại đó, đã có lúc vì quá khổ sở đau buồn, chị trù rủa rằng sao chồng chị không chết bỏ chết bụi đi cho chị nhờ, chẳng những thế, lại còn được lãnh tiền tự tuất để thêm vốn buôn bán nuôi con. Chị Bảy cứ việc lấy làm ân hận và muốn tạ lỗi với chồng, chị trở nên âu yếm chiều chuộng chồng hơn. Vì không còn gớm ghiếc cái thân thể bỗng nhiên thiếu

hụt mỗi khi ôm ấp chị nữa, nên kết quả, là chị Bảy lại mang bầu đứa con thứ sáu...

Trong lúc đó thì anh Bảy đã nghĩ ra được cái tên rất hay ho: «Mẫn Đế». Anh giải thích: «mẫn» là quang minh chính đại, là sáng suốt; còn «đế» có thể hiểu là «Vua», hay nôm na là rượu đế cũng được. Tóm lại «Mẫn Đế» có hai nghĩa: một ông vua sáng suốt, một vị lãnh đạo quang minh; và thứ rượu đế... càng uống vào, càng thấy mình mẫn, sáng khoái. Tên «Mẫn Đế» vừa nói lên lòng ao ước của người dân muốn có được nhà lãnh đạo tốt, vừa nói lên thứ rượu đế cao quý của dân tộc.

Và thế là, không ngần ngại, anh Bảy đề nghị với vợ đổi tên quán. Sau khi đề yên chồng giảng giải những gì ở đầu đầu, chị Bảy đáp buồm thông:

— Bớ nó chẳng hiểu gì hết. Tôi đây không cần hay chữ, chỉ thấy rằng tôi đã tốn mấy ngàn bạc kê cái bảng hiệu, bây giờ xóa đi kê cái khác, tốn tiền thêm. Thôi buổi này, tiết kiệm được đồng nào hay đồng ấy. Và lại, khách hàng đã, quen với cái tên «Sinh Dân», đổi đi e mất khách. Bớ nó không thấy ở vùng này có thêm mấy cái quán khác đang ra sức cạnh tranh với mình đấy sao!?

Thế là anh Bảy cụt hứng. Như một nhà văn chân chính bị nhà phê bình nện cho một cú nện (xem tiếp trang 15)

truyện TRUNG DƯƠNG

binh thường

sáng nay trong trời hồng
gió đùa bướm bên sông
hời em người cổ quận
gánh lá xanh xuống đồng
lòng thom như chiếc lá
theo mưa sa giữa dòng.



TRẦN THUẬT NGŨ

thu tưởng

màu phai trong xác lá mùa
cây nghiêng nắng xế ngày thừa tiếng vàng
trên cao bóng động những hàng
gió xô lệch gió môi hoàng hôn đau
chìm về mỗi cánh chiêm bao
rừng im giấc động mưa sâu tương tư
cây nghiêng bóng lạnh sương mù
hước từ lạc bước người từ thấy chung
buổi xa mắt đôi nghìn trùng
năm đây trong tàng mây hồng xa xa
hôm nào buồn như hôm qua
bỗng đứng mặt đất phai nhòa bước chân
cây đùn bóng động trầm năm
tôi đang tay mộng trời cảm mặt mù

đàn lê

ngày mưa sa xuống thấp
chìm qua bay về trời
ngủ giữa hồn thảo mộc
trong chiều hoa máu rơi
em người tôi vẫn gặp
đứng buồn trên đồi cao
nhũ hoa xanh cổ độc
đi dưới lưng sương mù
tóc ẩm hương trời xưa
tay thơm nồng lá mục
tim kiếm nhau bao năm
sao vẫn còn lạ mặt
yêu không kín tim sâu
nụ hoa nào thơm ngọt
xin trao người mai sau

còn đây hơi thở ấm
đêm trên bờ kinh đen
trắng in soi cô úa
ta ru em giọng sầu
hồn say mong tiếng lụa
là động cánh chiêm bao
đất trời run tiếng máu
ngựa gục trên đồi hoang
những âm thanh vô vọng
ta xô em ngã nhào
và hôn ta đỏ máu
năm mọc và trắng sao
giữa những bờ đù vợi
bây giờ và mai sau.

LÊ VĂN TRUNG

bến xe ngựa

Chiều nay anh đến đó với tấm lòng khô căn
Những giờ khắc tiêu hoang phí đời mình
Chồng chất dầu tích phiền muộn, bất hạnh
Anh là kẻ bất hạnh đi trong hạnh phúc của tên
mã xa chiều nay
Con đường đưa anh về bến xe ngựa

Phải chăng mỗi chúng ta khi sống
Đã lia bỏ đời mình trong một cõi đau thương
Sao anh đã vui đã cười đã ăn đã ngủ
Đã ăn cần với nghĩa áo cơm

Anh đã nhìn thấy giọt mồ hôi
Của tên mã xa rõ trên lưng ngựa
Anh đã nhìn thấy con vật gồ bốn vó trên mặt
đường tháng 10 trơn ướt.

Quá đời âm thầm như giọt lệ trong anh.

Anh đưa tay vịn vào càng xe
Định hỏi vì sao mọi người xuôi ngược.
Và vì sao chiếc xe ngựa chiều nay
Chỉ một mình anh trở lại

Anh biết hạnh phúc của người
Là lúc hé tấm liếp
Ngọn đèn dầu leo lét vừa thấp lên
Anh biết sự bất hạnh của anh
Là khi anh nhận ra
Niềm vui giản dị đó

Nên anh không còn muốn trở về
Nhưng sáng mai mặt trời sẽ mọc ở phương đông

Làm sao anh ngủ lại đêm nay
Để tìm ra hạnh phúc

Chắc anh không thể trở thành tên mã xa
Một buổi chiều trở về sau liếp cửa
Ngọn đèn dầu leo lét vừa thấp lên
Và chiều nay anh đến đây với tấm lòng khô căn
Nghĩ mình có khộc lên cho một tiếc nuối cũng
không còn gì nữa
Những tháng ngày tiêu hoang phí đời mình
Chồng chất dầu tích phiền muộn

Làm sao anh ngủ lại đêm nay
Trên bến xe một đêm trong đời người.



NHẬT KÝ CHUNG

TIẾP THEO TRANG 7

chớ cho là tao đang nguy hiểm để đề cao màu áo của những cán bộ như tao đâu, mà tao chỉ muốn lấy ý nghĩ để biện minh cho thái độ lựa chọn của tao, thế thôi; dù sao theo tao thiết tưởng thì mọi diễn tiến của sự việc đều do định mệnh, mà ra cả. Và cũng chính định mệnh đã xui khiến chúng ta giờ đây mỗi người mỗi ngã, biết có dịp nào mình mới được họp mặt để tán gẫu chuyện đời như ngày xa xưa đã mất, nhưng kịp đến lúc đó có còn đây đủ anh em nữa không? Bé, Tâm, Châu thì đã có chồng, ngoài công việc đảm đương gia đình nhà chồng, các em còn phải làm bổn phận người vợ, người mẹ nữa. Phần thằng Bảo, thằng Nghĩa giờ đã nằm yên dưới lòng đất lạnh. Bảo ơi! Nghĩa ơi! Tại bây giờ chúng ta vì ai? vì tương lai của dân tộc hay vì khát vọng để hèn của bọn hoạt đầu chánh trị. Tại bây giờ chúng ta nhắm mắt nhắm mũi cho ai? Cho màu cờ Việt Nam hay cho nỗi ngậm ngùi còn đè nặng trong lòng tim ta hay cho giọt nước mắt xót đau của bà mẹ già ở lại.

Tao vẫn thường thầm hỏi không biết tại sao chiến tranh lại cứ mãi chọn mảnh đất nhỏ bé hình chữ S này làm nơi dung thân, dinh dưỡng để từ đó được trưởng thành trong sự tóe tạc của vạn hồn dân Việt trong nỗi ghen lòng của thâm cảnh Mộng Thần, còn gì nữa đâu sinh linh của giống nòi Hồng Lạc! Còn gì cho anh, còn gì cho em, còn gì cho tuổi trẻ hôm nay? Hay chỉ còn là những hy vọng nhỏ nhoi như que diêm trước gió, hay chỉ là tiếng kêu gào vô vọng nhạt nhòa giữa thình không! Δ

05-04-70 NHA TRANG

BÙI LẠC THỤY

Buổi sáng chuông đánh thức đại đội reo thật nhức tai. Tung chăn ngồi dậy bỗng thấy gầy gầy lạnh. Thời tiết chỉ lạ. Mùa hè rồi mà buổi sáng trời vẫn còn lạnh và đầy sương mù. Nhìn đồng hồ chợt nhớ hôm nay là chúa nhật chỉ có việc đi lấy giấy xuất trại thôi. Nằm xuống lại, kéo chăn trùm kín đầu. Bận bực lục đục xếp lại mùng mền, cười nói lao xao. Không tài ngủ lại được — Nghĩ lam nam, bỗng thấy nhớ phố thành chỉ lạ — nhớ con sông cái — nhớ cầu Phú lộc; Những sáng mùa đông, dù trời không mưa cũng khoác áo mưa đi lo ngo trên cầu nhìn con nước lên hay cảm sao vớt hộ cho Phụng những cành củi trôi về từ miền thượng. Sung sướng nhìn bàn tay trắng muốt lợm từng cành củi bỏ vào thành cầu — Mùa nước cạn đôi cha đôi mẹ đi học sớm về một bọn ra bến đò Ấp thượng để tắm, giỡn đùa với mấy cô gái sỏi bên kia sông. Trớ mình nằm nghiêng. Mắt nhắm hờ trời miền man trĩnh dòng ký ức vàng son...

Thành phố mừng lời dậy — Ê, lính tráng gì mà ngủ kỹ quá có ngày lạnh củi bỏ cha đấy. Dậy đi, kiểm chút gì bỏ bụng rồi ra phố tà tà... Thầu vén mừng mền cho vào sac marine — Lấy kem đánh răng, rửa mặt cho tỉnh táo. Xỏ vội đôi botte de saut, vớ lấy chiếc nón lưới trai chụp lên mớ tóc rối bù. Hai đứa co ro vào Cầu lạc bộ Tiểu đoàn, gọi 2 café đen, 1 đĩa paté nóng, gần 200 bạc — Còn bao nhiêu vậy? — Đ.m. hết rồi. Ký sổ. Yên chí, bút thần vung mãi kiếm ăn được mà — Mẹ! mày làm như nhà giàu có khác, bữa ni mua phải về Đại diện thăm gia đình í. Lâu quá như lạc mất cả tổ tông, nguồn gốc — Nhớ bà già quê xa...

Về lại trại đã 8 giờ. Thay bộ treillis mới giặt cho thơm tho một chút xong đi lấy giấy phép xuất trại... Bây giờ thì không còn nguồn vui nào ở bên ngoài đó nữa — Vạn nhất trong một cuộc vui tương tự biết có còn ai nhớ đến ỉ. Đi lo ngo ở bãi biển. Thấy nhớ thật nhiều đến bạn bè, đến những ngày vui — ngày buồn ở một quá khứ đen tối của 1 gã... Ngày hai buổi đi,

ri rào — Cúi đầu đếm bước — Gió lộng theo bước đi...

Thuê xe về Thành — Vào Trí Đức gặp Cao trường Huy. Mừng như bắt được vàng — Còn sót lại một thằng bạn tàn tật để tâm sự, để chia nhau những nỗi khổ tinh thần. Cảm ơn Thượng đế nhưng mà cũng cảm ơn Thượng đế lắm. Rồi Trí Đức hai đứa vào Xuân Mỹ gọi 2 café, 1 gói Bastos xanh — Mạnh luôn hả mày? Vào đó có viết lách được gì không? Ở đây bây giờ buồn vắng quá, chả có 1 tờ chức hoạt động văn nghệ, văn gừng gì hết. Tao thì như du thủ du thực vậy, viết được tập thơ cũng chả có tiền để in. Thời buổi kiệt ước. Đ.m, riết rồi cũng không mua nổi một tờ báo để đọc chứ chơi. Làng xóm mấy lúc này lộn xộn quá. Đêm nào cũng đánh nhau. Tao thì chân căng đau nhức thế này mà chiều nào cũng phải đạp xe đạp về đây để ngủ qua đêm, chán quá. Phải chỉ còn như tại mày tao đi, sợ thằng nào. Huy im lặng nhìn mông qua phía trước. Đoàn công voa Đại Hán chạy ngang qua. Bụi bốc lên mặt mù...

Buổi chiều, trả phép xong chợt nhớ đến phiên trực khóa đàn em. Phải đi tìm danh bạ nó trước 6 giờ chiều. Vừa bước xuống khỏi cầu thang đã gặp phải những chuyện rắc rối, điên đầu — Thưa huynh trưởng, em có bà xã ở Sài Gòn ra thăm chưa có chỗ ở; huynh trưởng giúp đỡ giúp em cho em ra ngoài 1 chút — Huynh trưởng bừa ni thằng Hùng lại đỡ chừng không chừng rồi. Nằm mê man suốt ngày, chả chịu ăn uống gì hết. Cứ gọi mẹ, gọi cha khóc quá trời. Bữa nay thằng Long bé tí ham chơi ở đầu lại vắng mặt rồi. Huynh trưởng đứng phắt nộ, tội nghiệp — Sao lại gọi là Long bé tí — Dạ! nó nhỏ quá huynh trưởng. Nhớ nhất Đại Đội đó. Chừng 15-17 tuổi là cùng — Nhỏ mà cũng đi lính sao — Dạ! thời buổi này mà huynh trưởng. Học gì vô. Bọn này cũng vậy. Nếu có ở nhà thì cũng vác súng chạy tà tà khắp xóm chứ học hành gì được — Thôi vô phòng đi. Xếp hàng đi tìm danh bạ rồi tính sau... Đi xem từng hàng. Điềm từng khuôn mặt mắng trẻ, xạm nắng, dấu đầy niềm thao thức, lo âu đang gào to số thứ tự của mình. Bất chợt thấy khốn khổ, mắt mắt thật nhiều ở tuổi trẻ. Ở đây không có tiếng cười cười mở niềm vui thánh thiện — Tuổi trẻ ở đây niềm vô tư, hồn nhiên khuất mắt sau những bộ áo quần trần nhợt nhạt — hồi hăm. Tuổi trẻ ở đây phải biết thời cuộc: lửa đạn máu xương, bằng sự nhún nhục — mồ hôi và nắng lửa ở quân trường. Lời nhún nhủ thật buồn — Các anh hãy cố gắng cảm thông nhau một chút. Xích lại gần nhau một chút để nhìn rõ nhau. Ngày mai sẽ còn nhiều phủ phàng cay đắng cho tuổi trẻ chúng ta. Tất cả yên lặng. Bên ngoài nắng đã tắt tự bao giờ...

12 giờ đêm

12 giờ 30 rồi, cũng chưa ngủ được. Lấy thư bé Thi ra đọc. Thư gửi từ miền tây biên giới. Thấy thương bé vô cùng. Thương lắm đó Thi. Nhưng mà biết làm sao bây giờ em. Anh thì cũng đang sống những ngày dật dờ mộng tưởng, buồn chán nhất ở quân trường này. Phải chỉ đừng quen nhau thì cũng đỡ khổ bé nhỉ? Anh hà, bé khổ chết mất đi! Bữa nay ngày giỗ tuần ba tháng mười ngày của ba đó mà chả có ai về hết. Làng xóm yên ulla rồi mà phải sợ cái chuyện chi không đâu. Má già rồi, một mình phải lục đục lo sửa soạn hoa trái. Tội nghiệp má! Nhớ ba, má khóc cả buổi sáng. Buổi chiều bé xin nghỉ việc để giúp má. Các chị ở sở cứ trêu hoài — Có đám nào rồi đó chứ gì — Thời thì lo mau đi cho xong. Ước chết đi mất. Chả có ai chịu hiểu bé tí nào hết. Anh thì cũng vậy. Thư nào cũng trêu cũng nịnh bé, làm thư là bé sung sướng lắm chắc. Giận quá! muốn chả thèm viết thư cho anh nữa. Vậy mà rồi cũng phải viết. Tức thật. À, thì ra bé thương anh đó. Bé biết anh ngoài đó khổ lắm mà. Thương thật mà anh cứ đùa hoài. Bé mà thương lính thì khổ chết.



TỔNG MINH PHỤNG

Tổng minh Phụng hiện phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Thi phẩm đã xuất bản: Tiếng Vọng (1965) — Bãi Hoang (1967).

1. — Nền thi ca miền Nam từ năm 1954 đến nay, thật tình mà nói chưa thành đạt đúng mức. Nhìn chung thì phẩm hạnh hành giai đoạn này rất đông đảo, nhưng phẩm chỉ ở vào mức bình thường. Nói thế, tôi không có ý gán cho thi ca miền Nam đi xuống dốc. Dân tộc ta sống trong chiến tranh, người làm thơ bây giờ đa số đều khoác áo chiến, hàng ngày phải chung đụng mọi thứ để sanh tồn cho đất nước. Thi ca trong chiến tranh biểu hiện lên từng bước, những bước gian lao thăng trầm, bước những bước ngán nhưng lâu dài. Thi ca thời chiến tiếp diễn không ngừng, nói lên những cái bất khuất trên miền của quê hương. Chính vì thế thơ khi ẩn khi hiện, thỉnh thoảng chúng ta mới có dịp thưởng thức những bài thơ tạm hải lòng, hải lòng trong thông cảm — Thơ bây giờ quá xa quần chúng — Thơ ăn trong tâm não mọi người — Thơ đang đùa giỡn với chiến tranh — Thơ đang dậy trong lòng dân tộc Việt.

2. — Đây là tình trạng chung của thi ca miền Nam. Quân Đội bắt nguồn từ đó để không có một thi phẩm hay tuyển tập nào gây được tiếng vang đáng kể. Không phải là người làm thơ không nhận thấy. Hàng ngày mục kích bao nhiêu việc đất nước chiến gây ra, chất liệu đầy đủ là nguồn hứng cảm vô biên để sáng tác thể mà các thi sĩ Quân Đội chưa gây riêng cho mình một sự nghiệp, thì đứng nói chỉ đến nền văn học nghệ thuật nước nhà. Thi ca Quân Đội cũng đạt ít nhiều thành tích khả quan, nhưng không mấy hải lòng, người làm thơ Quân Đội «Cổ Đơn» trong việc báo tác, thiếu đất đứng, thiếu sự khuyến khích. Các tờ chức của Quân Đội quá nặng hình thức, không lời cuốn, thiếu tập hợp. Nạn cai thầu văn nghệ vẫn còn và chất quan văn nghệ cũng hiện ra trong lớp người làm văn nghệ «ka ki», muốn cho nền thi ca Quân Đội phát hiện đúng mức, chúng tôi đề nghị Trung ương nên giúp đỡ thiết thực bằng cách mua ít nhiều thi phẩm sau khi họ ấn hành. Thi trường thơ bị người ta xem thường. Trung ương làm được việc này tức là khuyến khích họ trong chiều hướng hăng say sáng

ĐỪNG MUA :

QUA HÌNH BÓNG KHÁC

Một truyện dài nồng bỏng, đắng cay, ngậm ngùi của DƯ TỬ LÊ

NẾU BẠN :

- Chưa từng đau khổ vì tình yêu, chiến tranh
- Không muốn nhìn thấy mình, thấy người yêu, thấy thân nhân, thấy những mơ ước không đạt được.

Ấn bản hạn chế — Sách kèm người đọc —
Già hy sinh — Thực hiện công phu

KHAI PHÓNG xuất bản

Bìa, Tranh Phan Ngọc Điền

NHẬN ĐỊNH VỀ THƠ VÀ THƠ TRONG QUÂN ĐỘI

TƯƠNG LINH THỰC HIỆN

tác, vun bồi cho nền thi ca Quân Đội ngày thêm huy hoàng.

3.— Người làm thơ, theo tôi không cần thiết phải ở vào một trường phái hay thi nhóm nào cả. Mình hãy tạo cho mình một hướng đi riêng biệt để vươn lên. Một sự tập hợp, một trường phái hay thi nhóm chỉ là hách kiếm thảo khả năng mình. Tốt nhất mình hãy thành thực trong việc sáng tạo thích hợp với khả năng sẵn có.

4.— Dự định trong tương lai rất nhiều, đó là hoài bão của một người đã dẫn thân vào đường văn nghệ. Nhưng cái hoài bão có thực hiện hay không là do hoàn cảnh đưa đẩy. Nỗi khó khăn hiện nay không riêng gì cá nhân của tôi mà là hầu hết nhà thơ quân đội đang lâm vào việc phát hành và xuất bản thi phẩm. Phong độ vẫn còn, sáng tác hăng say, thế nhưng lương lĩnh không đủ tiền, tiền đâu mà xuất bản. Rất tiếc Quân Đội chưa có cơ sở phát hành. Thời, thỉnh thoảng ta gởi đăng lại rai trên vài tạp chí để gọi là ta vẫn có mặt. Thế thôi !



PHAN MINH HỒNG

Phan Minh Hồng hiện phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân, khối CTCT. Thi phẩm đã xuất bản gồm có :

— Mùa Giao cảm (1956) — Vượt Sóng (1957) — Hoa mười phương (in chung, 1958) — Bể Tình thương (1959) — Tiếng Vọng (in chung, 1965).

1.— Thi ca Miền Nam từ 1954 đến nay đã phát triển như thế nào ?

Tôi muốn nói ngay là rất khả quan nhưng chưa đúng mức. Xét về lượng thì quả là dồi dào, nhưng thành công về phẩm chỉ ở mức bình thường.

Khi tôi nói thế là tôi muốn nhìn vào tác dụng của thơ đối với quần chúng trong những cái "mốc" thời gian hoạn bưng lên náo nhiệt, hoặc tiềm tàng dậy sóng.

Nghĩ về những bài thơ thuần chất kháng chiến của giai đoạn 1945-1948 mà ảnh hưởng thật rộng, thật hùng, thật ngọt... tôi thấy tiếc là chúng ta chưa có được những thi phẩm có giá trị vượt trội cho chẳng hạn, giai đoạn di cư 1954-1956 hết sức bị hùng...

Đừng vội trách tôi đặt thơ vào giai đoạn, đừng vội lớn tiếng tuyên bố "thơ phải vượt không gian và thời gian". Xin đừng quá chú quan mà đắm rã lằm lằm. Cuộc đời tự nó đã mang ý nghĩa giai đoạn rồi và những rung động của con tim không phải lúc nào,

noir nào cũng đều giống nhau. Không hẳn phải là chứng nhân thời đại, càng không thể là những cán bộ tuyên truyền (hiểu theo nghĩa hẹp), nhưng chắc chắn các văn nghệ sĩ không thể đứng mãi bên lề...

Ngoài một vài "lão tướng thi gia", các lớp trẻ tuy có tạo được những bước đi mạnh dạn, hướng đi lối cuốn, nhưng lại chóng mặt.

Chỉ có những thi bản chói sáng, chứ chưa có được thi phẩm toàn bích trong giai đoạn lịch sử quan trọng này, giai đoạn mà đúng ra này, sinh được nhiều thi tài mới lạ, dài hơi.

Hình như hiện nay không có cái gì lâu dài, vững bền. Trường hợp thi ca cũng vậy ! Thơ ngắn hơi, người thơ chóng mặt như hiện tượng sinh khí bị hút khô bởi ảnh hưởng bất nhất của cuộc sống gai lửa.

2.— Câu hỏi đã xác nhận sự không lớn mạnh của thi ca Quân Đội. Đó là một sự thực buồn !

Lý do đầu tiên được hiểu như là tình trạng chung của thi ca Miền Nam.

Trực tiếp tham gia cuộc chiến đấu đau xót, dai dẳng như thế này mà các thi sĩ Quân đội chưa làm nên "trò trống", gì cho sự nghiệp và quan trọng hơn cho kho tàng Văn học Nghệ thuật V.N. thì thật đáng trách ! Người ta vô quan thì làm tướng, sao mình vẫn quan lại cứ mãi lết đệt (trong địa hạt thi ca) ?

Theo tôi, thi ca Quân đội xét chung cũng có nhiều thành đạt. Những cái "tại sao" không lớn mạnh, không bay bổng phương phi... có thể được thấu gồm :

— Niềm tin yêu tập thể, đồng đội chưa đủ để hòa hợp với cái yêu cá nhân, cái yêu "tôi" thường là cực đoan và một chiều. Chẳng hạn vài ông quan đánh giấc lại làm thơ tình "ướt" hơn các học sinh.

— Xúc cảm từ nếp sống quân ngũ ít nhập vào tim, vào máu, mà chỉ được hiểu hời hợt qua tri tưởng tượng với những cảm nghĩ chưa chín của một số nhà thơ ngồi bàn giấy viết về chiến trường. Do đó, thường bị sáo, đóng khuôn.

— Các tổ chức Văn nghệ của Quân đội chỉ nặng về hình thức, thiếu lôi cuốn, không gây nổi hứng khởi cho những tập hợp cần thiết.

— Chất "quan văn nghệ" vẫn còn bằng lăng đầu đây. Quạt hoài mà vẫn không tiết !

— Thiếu sự nâng đỡ của Trung ương đối với các nhà thơ những đơn vị...

Vài đề nghị đơn giản :

— Thành lập một nhà xuất bản Quân đội, đặc biệt nâng đỡ các tác phẩm của văn nghệ sĩ Quân đội.

— Việc thực hiện các tuyên tập thi ca, xét ra rất cần và tốt, nhất là khi chúng ta chưa có được chương trình nào lớn lao — Cũng nên phổ biến rộng rãi (bán lấy tiền chẳng sao), chứ nếu chỉ phân phối cho mỗi Đơn vị vài cuốn thì hoàn toàn bất lợi về tâm lý cũng như ảnh hưởng...

3.— Tôi thấy không cần thiết lắm, nhưng chắc chắn là có vấn hơn không, nhất là việc ở trong một nhóm hay trong một hình thức tập hợp nào đó. Điều quan yếu là sự thông cảm, tin tưởng yêu mến và chân thành hỗ trợ lẫn nhau của những người trong nhóm.

Việc gặp gỡ giữa những người đồng điệu, đồng thuyền thường gây hứng khởi cho việc sáng tác. Nó như một trong những thúc đẩy ngầm ngầm nhưng hữu hiệu cho các hoạt động.

Còn vấn đề trường phái, theo tôi, cần được hiểu rộng hơn. Nó cũng gần như lập trường Chính trị. Có gì bảo đảm không thay đổi đâu ?

Hãy thực với lòng mình, với sở trường, với "cá tính" để chọn cho mình đường hướng sáng tác, hình thức diễn tả.

Hạn hẹp mà nói, như làm thơ tự do và thơ niêm luật. Hợp loại nào làm loại ấy. Điều cần là có "đạt" hay không, có "tới" hay không, có "chay" hay không ? Thế thôi. Nhưng theo chỗ tôi nghĩ, thì trước khi đi vào "tự do", người làm thơ của phải biết rõ một phần nào "niêm luật".

4.— Trở ngại quan trọng là giảm lòng hăng say, ít "hứng" hơn. Có thể tại tôi "có tuổi" rồi chăng ? Bù lại thì ý thơ chừng chặc và chín chắn, chỉ cần giữ cho đừng khô cứng vì kỹ thuật, nghĩa là vẫn "hào hoa, phong nhã" !

Còn dự định của người làm thơ bao giờ chắt là in thơ thành tập, phổ biến rộng rãi. Tôi cũng vậy. Nhưng quả là quá kẹt. Hồng có tiền ! In thơ đâu dám nghĩ đến lời tiền. Nhưng đọc giả cũng khó giúp mình khỏi bị lố. Họ để tiền xa nhiều thứ khác.

Thời dành im lặng làm thơ, làm để đấy hoặc in lại rai trên vài tờ báo. «Gặp thời thế thế thời phải thế» !



CAO HOÀNG NHÂN

Tên thật Bùi Cao Hoàng, trung úy, hiện phục vụ tại Sở Quân Tiếp Vụ Vùng 3 Tiếp Vận. Kbc 4513. Tác phẩm đã xuất bản : — Mặt Đẹp Ngày Xanh (Thơ) 1957 Tiếng Thơ Miền Trung (Thơ) 1959.

1.— Thi Ca Miền Nam từ 1954 đến nay có thể gọi là khởi sắc, nội dung phong phú và kỹ thuật tiến bộ, đầy màu sắc và chất liệu ; lên trên là nhóm Sáng Tạo và những người viết trẻ gần đây, 1968-1969. Thơ quân đội chỉ có giá trị của một sự hiện diện.

2.— "Quân Đội" chưa có được một tác phẩm nào đáng kể, dù của cá nhân hay tuyên tập, người phỏng vấn của Khởi Hành đã nhận xét đúng. Điều tôi muốn nói thêm là người làm thơ quân đội — người lính hoặc người không mang áo lính làm thơ về quân đội — chưa khai thác đúng mức những chiều hướng phong phú của «cuộc sống quân đội» và chưa nhận diện rõ thế đứng. Thơ quân đội thật nhiều, nhưng họa hoặc người đọc mới tìm được một bài thơ phản ánh sinh hoạt trung thực của quân đội, phần còn lại, chỉ là «anh tiên tuyển em hạn phương» nhảm chán ; và đa số thơ quân đội, người đọc có thể lơ mơ hiểu thế nào cũng được, nghĩa là nhà thơ chưa phân định rõ biên tuyến bạn, thù.

3.— Với tôi, người làm thơ khao khát không khí tự do để khám phá và diễn đạt. Trường phái, tập hợp chỉ là những hình thức trói buộc ; chỉ là một vòng kẽm gai bọc nhưng, êm ái và bí hiểm.

4.— Tôi không thấy thuận lợi hay trở ngại nào trong việc sáng tác. Những dự định xuất bản, trong hoàn cảnh hiện tại, đành phải ngưng trệ. Nhưng, xuất bản không phải là điều quan trọng ; điều quan trọng là sáng tác.

5.— Thơ hiện tại, nói chung, chưa nhận diện rõ hoàn cảnh xã hội và lịch sử đang diễn biến.

BƯỚC PHIÊU LƯU CỦA VĂN HÓA MIỀN BẮC

Kể từ sau đợt cải tạo tư tưởng trong giai đoạn cuối của thời kỳ kháng chiến, văn hóa miền Bắc bắt đầu rẽ sang ngã khác, từ bỏ văn hóa "trường giả", "phân động", "cá nhân chủ nghĩa" người ta không quên được những bản kiểm thảo, tự phê của văn nghệ sĩ ở ngoài khu, nội dung chỉ là chối bỏ hoàn toàn những tác phẩm văn chương tiêu tư sản để quay lại văn hóa vô sản, phục vụ nông dân.

Cho đến khi chính quyền miền Bắc trở về tiếp thu Hà nội, nhà nước thực sự kiểm soát chặt chẽ giới văn nghệ sĩ — những kẻ đại diện cho văn hóa miền Bắc. Một chính sách văn hóa được đề ra. Trong suốt mười mấy năm dài, miền Bắc đã làm được gì?

SINH HOẠT TẬP THỂ

— Điều ghi nhận đầu tiên là sinh hoạt văn hóa đang ngoài rất điều hòa, nhờ chủ trương sinh hoạt tập thể. Ngay khi chân ướt chân ráo từ chiến khu về, nhà nước đã chú ý đến giới văn hóa: các hình thức tổ chức công đồng được thiết lập như Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội (1). Hội các nhà văn, Ban nghiên cứu Văn Sử Địa, Viện Sử học... Những nhà văn hóa lão thành cũng như giới trẻ đều được cấp dưỡng đầy đủ để chuyên tâm nghiên cứu. Đối với họ, nghiên cứu cũng là một công tác. Sinh hoạt được phân phối đồng đều và có kế hoạch liên tục. Ví dụ: tập thơ chữ Hán của Nguyễn Du do ông Lê Thước và ông Trương Chính thu thập, dịch nghĩa, chú thích, sắp xếp; các ông Phạm Khắc Khoan, Nguyễn Sĩ Lâm, Hoàng Tạo, Hoàng Thành, Nam Trân soát lại và góp ý; đây là chưa kể hai nhà cựu học khác là Ngô Lập Chí và Hoàng Hữu Yên đã dịch phác cho một số bài thơ.

Cũng với lễ lối làm việc như thế, Ban nghiên cứu Văn Sử Địa đã hoàn thành bộ *Sơ thảo lịch sử Văn học Việt Nam* có bề thế.

Ngoài các Ban, Hội, Nhóm của nhà nước, còn có những nhóm nghiên cứu của các Đại học đường có nhiệm vụ soạn thảo giáo trình cho các sinh viên.

VIỆC KHAI QUẬT TÀI LIỆU CỒ HỌC.

Có thể nói rằng, về phương diện tìm tòi thuộc lãnh vực cổ học, các nhà văn hóa miền Bắc đã chiến công đầu. Một phần lớn thư tịch về cổ học được cất giữ trong Thư viện trường Viễn đông Bác cổ (1) lại thêm các nhà cựu học uyên bác được trọng dụng đã hết lòng làm việc với giới trẻ, có thể xem là nguyên do cất nghĩa sự kiện này. Và lại, sau vụ *Nhân văn* và *Giai phẩm*, có lẽ giới văn hóa miền Bắc đã trở nên hiền lành, đáp lại ngoài mặt làm ngơ với thực tế để mượn sách vở cồ nhân làm nguồn an ủi chẳng?

Thành tích về cổ học miền Bắc có thể chia làm hai loại: Dịch thuật và Khảo cứu.

Về dịch thuật, lần lượt, những bộ sách chữ Hán quan trọng như *Đại việt sử ký toàn thư* (đời Lê), *Lịch triều hiến chương loại chí* (đời Nguyễn sơ), *Việt sử thông giám cương mục* (đời Nguyễn sơ)... được đem ra phiên dịch và do Tổ biên dịch Viện sử học Việt nam đảm trách.

Về khảo cứu: các nhà văn hóa miền Bắc đã tạo được thành tích đáng kể trong các lãnh vực khoa học nhân văn và xã hội. Người ta đi tìm hiểu sinh hoạt nhân dân: Nguyễn Đồng Chi và Ninh Viết Giao tiếp tục tìm hiểu *Hát giặm Nghệ Tĩnh* mà ông Nguyễn đã khởi sự từ năm 1944 (2), Ninh Viết Giao viết về *Hát phường vải, dân ca Nghệ Tĩnh* (1961), Vũ Ngọc Phan tìm hiểu

Nguyễn Đình Tấn, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc, Vũ Ngọc Phan cũng viết về hát quan họ Bắc Ninh (3), Nguyễn chung Anh với cuốn *Hát ví Nghệ Tĩnh* (1958). Có thể nói tìm hiểu văn học dân gian được đề cao thành một phong trào vậy.

Ngoài ra, các cuộc khảo cứu về dân tộc học cũng được đề ý: Nguyễn Hồng Phong tìm hiểu *Xã Thôn Việt Nam* (nxb. Văn Sử Địa, 1959) và *Tìm hiểu tính cách dân tộc* (nxb. Khoa học, 1963), Trần Khánh và Trần Hoàng Hiến đi tìm *Tàn dư của chế độ mẫu hệ trong xã hội người Việt* (trong tập san Nghiên cứu Lịch sử, số 57, tháng 12/1963), Lê văn Lan, Phạm Văn Kính, Nguyễn Linh khai quật. *Những vết tích đầu tiên của thời đại đồ đá ở Việt nam* (nxb Khoa Học, 1963)

Nhưng thành tích đáng kể hơn cả vẫn là công phu trình chỉnh nhiều tài liệu văn học cổ tịch.

Trần văn Giáp và Phạm Trọng Điềm phiên âm và chú giải *Quốc âm thi tập* (nxb. Văn Sử Địa, 1956), Trần văn Giáp giới thiệu sách *Bích câu kỳ*



NGHIÊM Y VÀ CAO HUY KHANH

ngộ (nxb. Phổ Thông, 1958), Bùi Kỳ phiên âm và chú giải *Chinh phụ ngâm* và dịch *Thơ chữ Hán của Nguyễn Du* (4), Đặng Thái Mai sưu tập *Văn thơ Phan Bội Châu* (nxb. Văn Hóa, 1960). Lại Ngọc Cang tiếp tục giải quyết vấn đề dịch giả *Chinh phụ ngâm* và phiên âm bản nôm *Thiên nam ngữ lục*... Nếu như các tập *Quốc âm thi tập* và *Hồng đức quốc âm thi tập* (thế kỷ XV) và những bản truyện nôm ở thế kỷ XVI và XVII như các truyện *Lâm tuyền kỳ ngộ*, *Truyện chúa Thao*, chắc chắn giới văn học sử Việt nam sẽ yên chí rằng truyện *Trê Cốc*, truyện *Trình thứ* là tác phẩm văn học thế kỷ XIII và văn cứ cho rằng truyện Vương Tường ra đời vào đời Trần, truyện *Gia huấn ca* là của Nguyễn Trãi.

Nhờ những bản văn cũ được khai thác đầy đủ, các nhà văn học sử miền Bắc bớt lúng túng trong khi soạn thảo *Lịch sử văn học Việt nam* các thời kỳ xa xưa.

LẬP TRƯỞNG CHÍNH TRỊ

Cơ sở lý luận là biện chứng duy vật, cái nhìn về lịch sử là cái nhìn giai cấp đấu tranh. Các nhà văn hóa miền Bắc đều được chỉ thị phải nghiên cứu, tìm tòi bằng nhãn quan của chủ nghĩa xã hội.

Người ta đi tìm tính cách nhân dân trong sinh hoạt tinh thần của dân tộc, đề cao các cuộc khởi nghĩa mà họ cứ gọi là "phong trào nông dân". Ví dụ: khi nghiên cứu truyện *Lục Súc Tranh Công*, một tác giả viết: "Xã hội trong *Lục súc tranh công* là xã hội đã từng có cuộc đấu tranh giai cấp gay go;

phong kiến, địa chủ, còn có những cuộc xung đột giữa bọn tay sai của phong kiến địa chủ về các mặt

Người ta đi tìm tính chất công sản trong đời sống xã thôn Việt nam (5), người ta đi tìm tính chất phong kiến phân động trong sinh hoạt chính trị, trong giới sĩ phu, vua chúa Việt nam (6). Dựa trên cơ sở triết lý Marx văn hóa miền Bắc đã vô tình hay cố ý chặn đứng sinh hoạt trí thức vào khuôn khổ triết học đã cũ. Bầu thông khí trở nên độc đoán. Điều này cắt nghĩa tại sao các tư tưởng mới mẻ của triết học hiện đại không còn lối vào Bắc Việt. Có đạo, miền Bắc đã kích không ngớt Albert Camus—lúc ấy đang được giới chữ nghĩa trong Nam hâm mộ—cho rằng Camus chỉ là triết gia phân động, tiêu độc, thanh niên.

CHÍNH SÁCH CHỦ HUY VĂN HÓA

Nhà cầm quyền Hà nội không chần nhàn văn hóa tự do Chỉ có một văn hóa được công nhận là văn hóa xã hội chủ nghĩa, dưới quyền chỉ huy của Đảng và nhà nước. Vụ đàn áp văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc năm 1956-1957 là bằng chứng chứng minh sự kiện đồng dạng hóa văn nghệ, chỉ huy văn hóa một cách cứng rắn. Cũng vì chủ trương này mà văn hóa miền Bắc trở nên nghèo nàn, "thành rúc vụn thọt" cả như lời cụ Phan Khôi tiên đoán. Dăm cái nhìn phân chia giai cấp của xã hội chủ nghĩa vào xã hội Việt nam là một cái nhìn phiến diện, là sự gán ghép khiên cưỡng, giáo điều. Bởi vì xã thôn Việt Nam mặc dù có những tệ trạng của nó, nhưng nó không hề chia cách sinh hoạt giữa nho sĩ và nông dân. Cứ nhìn vào lịch sử để thấy Nguyễn Du, Phan Bội Châu đã từng đi hát phường vải, và Nguyễn công Trứ, lúc hàn vi từng cấp đàn làm kép cho ả đào, hay là các cuộc hát thi nhân dịp hội hè cũng thấy rằng các thư sinh nho sĩ đóng vai trò quan trọng trong sinh hoạt nông thôn.

Thêm nữa, các nhà văn hóa miền Bắc còn phạm lỗi quan trọng là cái lịch sử quá khư theo chiều hướng có lợi cho tuyên truyền cá tưng chế độ. Họ tìm hết cách để gài vào tác phẩm hững lời tán tụng nhà đương quyền, đại loại như câu văn này: "*Chính vì lẽ đó, Đảng và chính phủ ta đã ban hành luật Hộ nhân và Gia đình. Chỉ các nước xã hội chủ nghĩa phụ nữ mới hoàn toàn được giải phóng, chỉ có chế độ xã hội chủ nghĩa mới thật tôn trọng con người*" (Bổ Sơ Thảo, q. V.). Δ

- (1) Nay là Thư viện khoa học trung ương.
- (2) Nguyễn Đồng Chi. *Hát giặm Nghệ Tĩnh tập 1*. Tân Việt 1944.
- (3) Lưu Khâm, Nguyễn Đình Tấn, Nguyễn Viêm. *Tìm hiểu quan họ Bắc ninh*, 1956.
Tú Ngọc *Các giọng trong quan họ*, tập san *Âm nhạc* số 3-th 8/9/56 Vũ Ngọc Phan—*Hát quan họ Bắc ninh*, trong bộ *Sơ thảo Lịch sử Văn học Việt nam*, tập 1, 1957.
- (4) Mấy năm sau, Lê Thước và Trương Chính xuất bản tập thơ chữ Hán của Nguyễn Du, thêm rất nhiều bài mới phát hiện. *Chính tập* này được cho quay rônô làm tài liệu học tập cho SV V. Khoa và DH Sư Phạm Saigon.
- (5) Trần quốc Vương, Hà văn Tấn. *Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt nam*, 1960.
- (6) Trần quốc Vương, Hà văn Tấn *Lịch sử chế độ phong kiến*, tập 1, 1960.
Phan Huy Lê, *Lịch sử chế độ phong kiến*, tập II, 1960.

KỶ SAU :

QUAN ĐIỂM
VĂN HỌC SỬ

NGUYỄN TUÂN TƯ KÈ...

CÁI hình ảnh ngang tàng, xem trời bằng vung, xem đời như một trò đùa hứng thú của ba anh chàng ngự lâm pháo thủ trong *«Les Trois Mousquetaires»* (Alexandre Dumas) là những hình ảnh lớn nhất, đầu tiên in sâu vào trí não của Nguyễn Tuân những ngày còn bé. Lúc đó, Nguyễn Tuân hẳn còn là cậu học trò tiểu học ở thị xã Thanh Hóa.

Rồi hết phần tiểu học, Nguyễn Tuân được cha cho ra Hà nội học phần Trung học ở một trường tư. Nếu ở tỉnh lý Thanh Hóa tìm đọc được một quyển sách hay là một điều khó, khi ra Hà nội thì sách, tiểu thuyết của những nhà văn nhà thơ lãng mạn, nổi tiếng của Pháp ở thế kỷ thứ 19 đây đây. Và lại, lúc đó Nguyễn Tuân đã lớn lên thêm, vốn Pháp ngữ cũng giàu có hơn, nên vốn mê đọc sách, Tuân bấy giờ trở thành con một sách, mê đọc sách hơn mê học.

Tác phẩm thứ hai ảnh hưởng không nhỏ đến tâm hồn cậu học trò Nguyễn Tuân sau khi ra Hà nội cũng lại là một tác phẩm của ông «Dumas» nhan đề «*Dame aux Camélias*», tức «*Trà Hoa Nữ*»..... Không hiểu sao mà hai cha con nhà văn Dumas «có duyên» với Nguyễn Tuân thế không biết nữa!

Như chúng ta đã biết, Nguyễn Tuân sinh năm 1913 ở Thanh Hóa, con của một ông Thông phán của Tòa Sứ tỉnh Thanh Hóa thời ấy. Khi lớn lên Tuân được cha cho đi học chữ Pháp, cầm bút sắt chứ không cầm bút lông, hy vọng thẳng con mình sau này sẽ được: «Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò». Hàng ngày, cái khuynh hướng «Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò» ông bố của Tuân không ngớt «giáo huấn» cho kỹ vào đầu óc Nguyễn Tuân.

Cái tật mê sách cộng với cái hào hoa phong nhã, bướng bỉnh ngang tàng của những nhân vật trong các tác phẩm mà Tuân đã đọc qua, biến Tuân từ cậu học trò trung học mới lớn trở thành một cậu công tử học đời thú ăn chơi. Hà nội vốn nổi danh là đất ngàn năm văn vật, ăn chơi đủ trò, đủ kiểu, xa hoa đúng mực thì cậu học trò tỉnh lẻ xứ Thanh như Tuân làm sao không chóa mắt?

Thêm nữa, ra Hà nội học, không có gia đình, thân nhân, Tuân phải ở trọ nhà một người đồng nghiệp của cha, không ai kèm giữ, Tuân càng ngày càng «lồng lộng chơi bời» hơn, đến cuối cùng là cuối kỳ hè niên học thứ hai Tuân hoàn toàn bỏ học. Nghĩa là, thay vì phải học 4 năm trung học để thi lấy bằng thành chung (diplôme) ngang với Trung học đệ nhất cấp bấy giờ, Tuân miễn cưỡng học ráng được hai năm thì bỏ cuộc.

Dù vậy, kể từ niên học thứ ba, tuy không đến trường nhưng ngày nào sáng ra Tuân cũng cắp cặp vào sách như đi học thật sự. Và mỗi tháng, Tuân vẫn viết thư về Thanh Hóa «báo cáo» với cha là mình vẫn ngoan, vẫn học đều đều, còn giỏi nhất lớp về các môn «phờ-răng-xe» với «Lit-tê-ra-tuya». Để chứng minh. Tuân

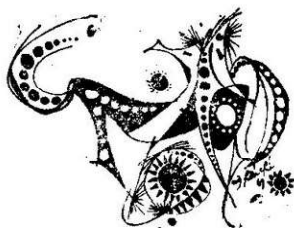
viết thư cho cha toàn tiếng Pháp, cứ «cher papa» ào ào. Đồng thời, trong thư, Tuân không ngớt than van nào là Hà Thành sinh hoạt đắt đỏ, càng học lên cao càng phải mua sách nhiều, nào là phải tiêu tốn với bạn bè, có qua có lại với anh em nó mới phải đạo, rồi v.v... và v.v..., để xin tiền thêm.

Vốn cứng con, lại giàu có, bỗng lộc nhiều ông bố tin ngay và sẵn sàng thỏa mãn mọi yêu cầu của Tuân. Từ đó Tuân càng dám ra ăn chơi dữ. Bốn bức vách của «tứ đồ trường» không vách nào Tuân không đâm đầu vào. Ăn ngon, mặc đẹp, rượu trà, gái đẹp, thuốc phiện v.v... vốn sở trường của Tuân. Các ngón ăn chơi Tuân đều lão luyện. Ăn chơi một cách hào hoa. Ngang tàng là đằng khác. Mỗi lần uống cạn một chén rượu, nổi hứng là đập tan cốc ngay.

Có thể nói Tuân là một nhân vật điển hình cho lớp người bị sa đọa trong phong trào truy lạc ăn chơi của giới trẻ mới lớn trong khoảng 1930 đến 1940 tại miền Bắc lúc bấy giờ.

Cứ thế, cho đến lúc gia đình Tuân hay biết thì đã muộn.

Trên đây là những lời tự thú, thổ lộ tâm tình và những lời nhận xét về mình của Nguyễn Tuân trong cuộc chinh huấn hồi năm 1953 — thời kháng chiến chống Pháp — tại một căn cứ rừng Thái Nguyên, Việt Bắc và trong bản tự kiểm thảo của Tuân trước Đảng, đăng trên tạp chí Văn Nghệ số 12, tháng 5 năm 1958, do Đặng Thái Mai làm chủ nhiệm.



Thuở thiếu thời cũng như con đường vào đời của Nguyễn Tuân như vậy. Từ những ngày lêu lổng ăn chơi hư hỏng, Tuân bắt đầu tập viết văn. Lúc đầu viết để chơi, sau gởi đăng báo để «chợ» với bạn bè. Rồi dần dần thành thói quen, thành cái «nghề», cái nợ không sao bỏ được nữa. Và, Nguyễn Tuân trở thành một nhà văn được mọi người biết tên, biết tiếng.

Sau với những văn thi sĩ nổi danh thời tiền chiến, Nguyễn Tuân gần như là một kẻ lập dị, ít bạn bè, ít hòa hợp vào cái sinh hoạt chung của giới văn nghệ sĩ, sống như một khách lữ hành; cô độc, lang thang; tìm sự hưởng thụ cho riêng mình. Chẳng thế mà, trong «*Nhà Văn Hiện Đại*» Vũ ngọc Phan đã phê bình Nguyễn Tuân như sau:

«... Nguyễn Tuân là một nhà văn theo thuyết hoài nghi, có khuynh hướng về chủ nghĩa vật chất...»

Từ năm 1945 trở về trước, Nguyễn Tuân đã góp mặt với làng Văn những tác phẩm:

— *Vang Bóng Một Thời* (tập I và II, gồm nhiều bài tùy bút và truyện ngắn,

tả những thú ăn chơi vài nét «anh chị» độc đáo thời trước)

— *Một Chuyến Đi* (tùy bút)

— *Chùa Đàn* (tùy bút)

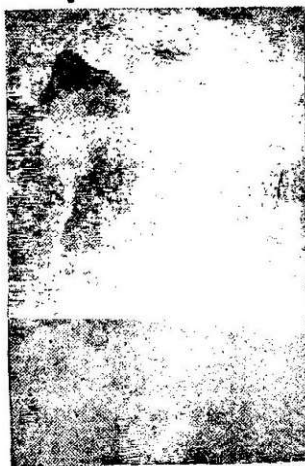
— *Quê Hương* (truyện dài)

— *Ngon Đèn Dầu Lạc* (thiên phóng sự viết về nghệ thuật và cái thú hút thuốc phiện)

— *Tùy Bút* (viết về đời sống truy lạc, ăn chơi của chính tác giả v.v...) v.v... và một số bài tùy bút, chuyện ngắn đăng trên các báo.

Xuyên qua các tác phẩm trên, nội dung của nó đã xác định phần lớn tâm hồn và khuynh hướng sáng tác, kể cả quan niệm sống của Nguyễn Tuân. Và tất cả mọi người, có lẽ ai cũng công nhận rằng tác phẩm làm cho Nguyễn Tuân được đề ý đến nhất là «*Vang Bóng Một Thời*». Người khen cũng lắm mà người chê cũng không phải là không có. Nếu kẻ viết bài này

NGUYỄN TUÂN



vang bóng một thời

không nhớ sai, vấp phải tội «nhỏ râu ông này, cắm cằm bà kia» thì trên một số tuần báo «*Trung Bắc Chủ Nhật*» nhà văn Trương Tửu Nguyễn Bách Khoa (1) đã viết một bài phê bình chữ Nguyễn Tuân là «mèo khen mèo dài đuôi», khoe khoang hợm hình cái tôi đáng ghét. Nao: «Ông Nguyễn Tuân leo lên bàn thờ ngồi. Ông Nguyễn Tuân lại tuột xuống, trịnh trọng đốt hương lom khom trước bàn thờ vải (ông Nguyễn Tuân ngồi trên) một cách kín đáo, lăm lăm: — Con phục ông Nguyễn Tuân đm !...» Đại khái một đoạn trong bài phê bình Nguyễn Tuân là vậy.

BIẾN cố «Cách mạng mùa thu» tháng 8 năm 1945, đưa số phận Việt Nam vào một giai đoạn mới của lịch sử. Như mọi nhà văn nhà thơ khác, Nguyễn Tuân được mời vào Hội Văn Nghệ Việt Nam rồi Hội Văn Hóa Cứu Quốc do Tố Hữu làm Hội trưởng. Trong Khoảng thời gian từ tháng 8- 1945 đến 19-12-1946, Tuân theo các đoàn tuyên truyền của Mặt Trận Việt Minh đi hết nơi này đến nơi khác. Mặt khác, hàng tháng phải gởi bài về cho tờ tạp chí Văn Nghệ của Hội Văn Nghệ. Tạp chí này in bằng giấy rơm, giấy vó, dày cộm, chỗ dày, chỗ mỏng không đều, đọc được một trang báo mắt như muốn mù ra. Thời gian này Nguyễn cũng viết được vài cái tùy bút về miền núi và «Tuân lễ vàng» ở khu 4, khu 5.

19.12-1946, Hải Phòng rồi Hà nội thất thủ. Những văn nghệ sĩ trong Hội Văn Hóa Cứu Quốc rút vào chiến khu Việt Bắc. Hà nội đang «tiêu thổ kháng chiến», súng nổ đạn bay, chiến tranh mật mủ, ai ai cũng lo tản cư chạy chết, kiếm được một nơi trốn tránh an toàn lại có cơm ăn là một điều thiên nan vạn nan. Các văn nghệ sĩ muốn sống sót, an toàn vào lúc này, không còn cách nào khác hơn là nhảy vào, đeo chân Hội Văn Hóa Cứu quốc. Gió chiều nào xuôi theo chiều ấy, thuận hay không thuận, miễn cưỡng hay bằng lòng, điều đó còn làm thế nào được.

Tại chiến khu, rừng Thái Nguyên Việt Bắc, cùng lúc với Nguyễn công Hoan, Xuân Diệu, Hoàng Cầm, Hoài Thanh v.v... Nguyễn Tuân được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương vào năm 1940. Trong lần kết nạp này được xem là lần kết nạp Đảng tập thể cho một số lớn văn nghệ sĩ tiền chiến vào chiến khu.

Sau khi kết nạp Đảng mấy hôm, Nguyễn Tuân được đưa đến Trung đoàn 209, tức Trung đoàn Sông Lô để «được sống hòa mình» với bộ đội, nhìn tận mắt, nghe tận tai sinh hoạt chiến đấu mà sáng tác. Nguyễn Tuân đến đúng vào lúc Trung đoàn đang ráo riết chuẩn bị đánh trận Sông Lô. Lúc đó Lê trọng Tấn hẳn còn là Trung đoàn trưởng và Trần Độ là chính ủy của Trung đoàn này.

Trận Sông Lô kết thúc, qua thời gian dưỡng quân, bổ sung quân số, trung đoàn 209 và Lê trọng Tấn, Trần Độ được lệnh xúc tiến thành lập Đại đoàn 312 mà trung đoàn 209 là «nòng cốt». Đại đoàn 312 thành hình thì Nguyễn Tuân lại được «biệt phái» đến công tác ở phòng chính trị Đại Đoàn, theo sát bộ đội.

Rồi chiến dịch Cao Bát Lạng (chiến dịch biên giới) bùng nổ, Nguyễn Tuân chống gậy mò theo.

còn tiếp

(1) Nhân đây, tòa soạn KH đính chính: Trong bài Bút Chiến với miền Bắc kỳ trước, có một sai lầm là in chữ VÀ giữa bút hiệu và tên Trương Tửu Ng. Bách Khoa. Mong bạn đọc thứ lỗi.

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cảm đơn bà

CÒN GÌ KHÓ HƠN

Một nhà đạo đức thuyết trình trước một đám đông thanh niên nam nữ:

— Người ta tới tuổi trưởng thành cần phải lập gia đình chứ không nên sống độc thân để hưởng thụ ích kỷ và vô trách nhiệm. Chỉ lập gia đình mới có hạnh phúc thật sự.

Không còn gì sung sướng cho bằng có một mái gia đình với người vợ hiền, với đàn con vui đùa ríu rít. Còn người sống độc thân thì đủ mọi sự khổ cực đến với hắn. Nhà cửa bừa bãi, quần áo dơ bẩn không ai giặt giũ, ăn uống thất thường, nhất là khi ốm đau không ai chăm sóc.

Nói tới đó nhà đạo đức ngừng lại hướng về phía cử tọa hỏi:

— Các bạn thử cho tôi biết trên đời này còn có hạng người nào khổ hơn một người độc thân nữa hay không?

— Dạ có, đó là đứa con hoang của kẻ độc thân.

TRẺ ĐƯỢC MƯỜI TUỔI

Người chồng từ phòng rửa mặt bước ra, râu ria nhẵn nhụi, hớn hở khoe với vợ:

— Mỗi buổi sáng khi cạo râu xong anh cảm thấy như mình trẻ ra được mười tuổi.

Người vợ nhăn mặt:

— Nếu thế tại sao trước khi đi ngủ anh không chịu cạo râu đi.

ĐIỆU VŨ MỚI

Ông bầu một đoàn ca vũ nhạc có sáng kiến nghĩ ra một câu quảng cáo sau đây để gửi đăng trên các báo:

“Đông bào chó bỏ qua buổi đại nhạc hội đêm chủ nhật 21-5 tới đây. Ngoài những màn đơn ca, song ca, ảo thuật còn có một màn vũ độc đáo do mười hai nữ nghệ sĩ trình diễn với mười một bộ y phục lộng lẫy vừa may từ Nhật bản mang về.”

LẠC ĐƯỜNG

Bên Ý Đại Lợi hệ thống đường xá rất phức tạp nhất là khi lạc một ngã tư người lái xe có thể lúng túng hàng giờ không biết cách nào tìm ra lối đi đúng.

Người ta kể chuyện một du khách người Pháp lái xe làm một ngã tư cứ quẹo hết ngã này sang ngã khác gần một tiếng đồng hồ mà mỗi lúc mỗi xa dần thành phố ông muốn tới.

Khi tới gần một cánh rừng. Ông thấy một cặp vợ chồng trẻ đang ngồi ăn trên cỏ với ba đứa con nhỏ, bên cạnh một chiếc xe du lịch, ông mừng quá ngừng xe lại hỏi thăm:

— Thưa ông đã hơn một giờ rồi tôi vẫn chưa theo các bảng chỉ dẫn bên đường mà không thể nào ra khỏi được xa lộ này để trở về Nice. Ông ở đây lâu quen với cách thức ông làm

ơn chỉ cho cách nào giúp tôi ra khỏi ngõ bí này.

Người kia thở dài và trả lời:

— Ông bạn ơi, tôi cũng không hơn gì ông đâu. Tôi nói chắc ông không tin nhưng chính tôi lái xe đưa nhà tôi đi hướng tuần trăng mật, mà cho tới bây giờ chúng tôi vẫn chưa tìm thấy lối trở về.

KHÔNG THỂ NHANH HƠN

Trên một con đường đèo, một chiếc xe hơi nhỏ xíu lạch lẻo dốc có lẽ chỉ với tốc độ hai mươi cây số một giờ. Những xe đi sau không vượt được vì đường quá hẹp. Họ bóp còi inh ỏi.

Tức thì từ chiếc xe nhỏ người tài xế lấy một chiếc bảng móc ra phía sau xe. Chiếc bảng ghi những hàng chữ sau đây: xin quý bạn kiên nhẫn một chút, đừng nhận còi inh ỏi như vậy. Tôi đã đạt hết sức mình rồi không thể nào đạp nhanh hơn được nữa.

KHÔNG PHẢI MUỐN LÀ ĐƯỢC

Không phải hề cứ yêu chuộng thể thao là trở thành một thể thao gia. Cũng như không phải hề cứ yêu tiền là có thể trở thành triệu phú.

NHÀ SÁCH THIÊN TỨ

235, Đề Thám — SAIGON

Đã tái bản tác phẩm “dễ thương” nhất của nhà văn DUNG — VÕ HÀ ANH:

«DỄ THƯƠNG» «MÔI HỒNG»

Sắp xuất bản trong thượng tuần tháng 5-1970

tuyển tập của những người Lĩnh Mũ Xanh:

«DÒNG SÔNG TRƯỚC MẶT»

lá bối MỚI ẤN HÀNH

- EM BÉP HỮU TANG
Isoko Ichiro Hatano. Trương Đình Cử dịch
- ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)
Nhất Hạnh
- AO EM CÀI HOA TRẮNG (hết, đang tái bản)
Vô Hồng
- NÈO VÈ CỬA Y (tái bản)
Nhất Hạnh
- HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SÁN CỦA
TƯ TƯỞNG TÂY PHƯƠNG
Lê Tôn Nghiêm
- PHONG TRÀO DUY TÂN
Nguyễn Văn Xuân
- XŨ TRẦM HƯƠNG
Quách Tấn
- LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ)
Kiến Giang
- HÁI ĐÀO THẦN TIỀN
Đặng Trần Huân
- CẨM CA VIỆT NAM
Toan Ánh

và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên tại các trường tiểu học cộng đồng:

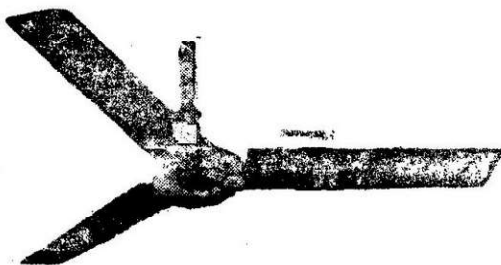
- GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG
Vương Pên Liêm
- PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG
CỘNG ĐỒNG
Vương Pên Liêm

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

120 Nguyễn Lâm Chợ Lớn

ĐÔNG - Á

KỸ - NGHỆ - ĐIỆN



SẢN XUẤT QUẠT TRẦN HIỆU

MAVALLI và F.M.C.

đẹp, bền — bảo đảm

Tổng Phát Hành:

DENIS FRÈRES

4, TỰ-DO - SAIGON

XEM TRANH HỒ THÀNH ĐỨC

TIẾP THEO TRANG 7

ràng khi ta xem tranh ông. Chẳng hạn, ở bức "Đôi mắt trắng và tượng Ai Cập" (số 14) thì hình thể thiếu nữ Ai Cập được khám phá do những hiện tượng từ chất liệu của tấm nền. Ở một vài bức tranh khác, thì ngược lại, hình thể đã phát về đòi hỏi chọn lựa chất liệu, màu sắc. Nhân ở đây, cũng có một điểm cần nhắc đến, có nhiều người cho rằng tranh collage chỉ được cấu thành do một chất liệu giả, nhưng kỳ cùng đâu là giả đâu là thực lại là một vấn đề không giải quyết được. Có lẽ đây chỉ là vấn đề chuyên môn, kỹ thuật, nhưng đối với người thưởng ngoạn hay ngay cả với nghệ sĩ, sự hệ trọng là ở chỗ tác phẩm như thế nào mà thôi. Vấn đề là ở chỗ tác phẩm "đạt" đến đâu. Quí hồ tác phẩm là một hiện tượng của cái đẹp; dù là cái đẹp vô tội hay cái đẹp đau thương, cái đẹp dừng lại ở mắt nhìn trên phương diện hình thức, cái đẹp dừng lại ở sâu thẳm tâm hồn trên phương diện nội dung tác phẩm, ấy là đã quá đủ.

Nội dung tác phẩm thường đòi hỏi một hình thức nào đó, dĩ nhiên. Với thế giới tranh Hồ Thành Đức, ta không ngạc nhiên thấy ông thường dùng đến những màu sắc mà tự nó đã gây nên vẻ buồn bã, âm u, màu xám, màu sẫm, vert de Chine, trắng ngà sang vàng, đỏ hung pha xám của những tường

rêu ẩm đạm, những con người gần hóa đá, những khuôn mặt thiếu nụ cười, đường phố xám, những căn nhà buồn thảm, những vầng mây la đà, lơ lửng hay kéo xuống thấp, pháo đài thời chiến cô quạnh trên một đỉnh đồi, những hồi tưởng của thời tuổi già. Hay hình ảnh người thổi kèn thăm sâu trong cơn trời âm thanh tiễn đưa ta về một cõi mộ địa hoang vắng nào, hay chân dung một gia đình sống trong lòng một ngôi tháp cổ âm u mà khuôn mặt chỉ còn là đường nét biểu trưng của một nỗi trầm uất đè nặng ngàn năm, khởi hứng từ những vết tích lưu dấu của một dân tộc đã xóa mờ trong lịch sử, mà vinh quang chỉ còn là những đường nét trừu tượng của vẻ đẹp điêu tàn. Tất lại, tranh Hồ Thành Đức là một hiện tượng cho người thưởng lãm nghệ thuật một thế giới lãng mạn tâm tối, u sầu. Một người thưởng ngoạn tranh ông, tình cờ nói với tôi rằng thế giới ấy chắc hẳn phải là nỗi ám ảnh lớn có lẽ từ thời thơ ấu và nỗi ám ảnh đó lại còn được cu rù mang để trở thành đời sống nghệ thuật. Tranh Hồ Thành Đức còn thành công nhờ kỹ thuật mới mẻ như tôi đã đề cập ở trên, tạo cho ông cái thế làm nghệ thuật "một mình một chiếc" ở Việt Nam Δ

ĐỌC SÁCH

(tiếp theo trang 5)

có qui tắc mẫu mực và khắt khe hơn. Ngôn ngữ viết do đó vừa hoàn thành ngôn ngữ nói bằng hình thức tốt nhất lại vừa làm sai lệch ngôn ngữ nói nguyên thủy. Những hình thức nhất định của các ký hiệu trong ngôn ngữ viết (các mẫu tự chẳng hạn) làm ngưng đọng, đánh mất tự nhiên tính uyển chuyển của ngôn ngữ nói. Bởi vậy, Nhật Tiến dễ bị chê trách là làm mất cái tự nhiên tính uyển chuyển đó. Những câu đối thoại trong tác phẩm này của ông ít phản ánh ngôn ngữ bình dị mà giới bình dân vẫn dùng, do đó tác giả không diễn tả được tâm hồn họ tới mức tối đa khả hữu. Tâm lý nhân vật bị lệch lạc theo đó. Ngôn ngữ được xử dụng trong một hệ thống khó áp dụng cho một hệ thống khác. Chẳng hạn ở những trang 47-54, tác giả đề Hiệu kể chuyện Tấm Cám giữa khung cảnh đồng ruộng cho lũ trẻ chăn trâu nghe, dù tác giả

đã viết: "anh mở đầu bằng một lối kể chuyện kỳ cục như thế này...", nhưng câu chuyện vẫn không thể thích hợp với người kể, những người nghe và khung cảnh. Tác giả dùng những biểu tượng của Thiên Chúa giáo để giải thích chuyện Tấm Cám qua lời cậu Hiếu ở thôn quê Việt Nam. Con rắn cắn vào tay Cám làm cho Cám trở nên xấu người xấu nét, rắn là biểu tượng của Sự Ác, rồi tác giả cho bà tiên mách thuốc chữa là nước suối Yêu Thương, mà dòng suối Yêu Thương lại ở bên kia dãy núi Vọng Ky. Đó là một thí dụ đáng chú ý. Nó cho thấy nỗi khó khăn trong sự cố gắng diễn đạt của một tác giả rất nhiều thiện chí. Riêng trường hợp văn của Nhật Tiến tôi thấy thiện chí đó chưa thực hiện được hết những nỗ lực đáng chú ý nơi tác giả. Lối văn trang nghiêm, mẫu mực, có cái duyên dáng trong sự mô tả, đầy ắp những hình ảnh gợi cảm, nhưng lại chất chứa những rung động dù sao vẫn chưa bám rễ sâu xa vào thực tại. Lối văn này còn là sự kéo dài của đường hướng văn chương Tự Lực Văn Đoàn. Δ

người về từ mặt trận

TIẾP THEO TRANG 9

thần xung quanh cái tác phẩm mà mình đã mang nặng đẻ đau.

Song cái ý thức chưa chắc chắn nhất mà anh Bảy có được: là mình chẳng thể có được một quyết định nào trong cái nhà này hết. Và anh Bảy đã cay đắng càng cay đắng thêm. Chỉ còn có cách thoát ly chứ sống mãi thế này, chịu sao thấu? Anh lại nung nấu ý định bỏ đi. Anh nghĩ đến việc về thủ đô tham gia phong trào chiếm đất của anh em đồng bạn. Nhưng thời thế chẳng thương anh Bảy bao nhiêu, vì rằng, khi anh cầm tờ báo lên để xem cuộc chiếm đất đã tiến triển đến đâu thì anh chỉ thấy báo chí đề cập đến các cuộc biểu tình của sinh viên và học sinh. Vậy thì, về thủ đô lúc này mà làm gì?

Và thế rồi, từ đó, chiều chiều anh Bảy bèn ghé ngồi ngật ngưỡng bên ly rượu đế, u ừ ngâm câu thơ mà anh cho là bất hủ của Cao Bá Quát uên sinh.

Một chiếc cùm lim chân có để

Ba vòng xích sắt bước thì vương

Và anh Bảy nằm chờ thời, như một kẻ rã an hiểu tình hình. Δ

Thường mở
với thuốc diệt
xỉn chó xiết lông...



at đã có
Hynos
BẢO VỆ RĂNG NHA

MAMMOTH STEAM BATH

JUST OPENED

TRẦN QUỐC TOÀN
SAIGON

- TURKISH BATH
- EXCELLENT SERVICE
- PRIVATE STEAM TUBS
- PRETTY GIRL MASSAGER

OPEN EVERYDAY FROM: 09.00 am TO 23.00 pm



GIỮA tòa soạn và bạn đọc

NG NGŨ HUYNH (CT).— Chúng tôi ở Tòa soạn, mỗi người đều làm những gì mình có thể làm, trước Việt Kiều hồi hương. Riêng điều anh nói trong thư liên quan đến bản thảo, đều không thực hiện được.

THANH NGUYỄN.— Không hiểu anh có phải là tác giả một cái truyện ngắn đã đăng trên K H, khoảng số 5, 7 gì đó? Đoàn Văn của anh sẽ đăng. Mong anh gửi thêm.

TÚY HẰNG (Sg).— Cảm tạ lá thư của cô, đó là điều mà tòa soạn chúng tôi vẫn theo đuổi thực hiện. Có cứ tiếp tục gửi thêm bài về.

NGUY DO THÁI (CT).— Sẵn sàng đợi ở Saigon, khi nào anh rảnh. Đã chuyển lời hỏi thăm của anh tới anh Mai Thảo và họa sĩ Nguyễn Hải Chí. Có 2 bài cũ.

HỒ ĐĂNG HẢI (Thủ Đức).— Ra, ghé KH sẽ có báo.

HÀ THỊ KỲ NAM (Giao Linh).— Đã nhận được cả. Cái thư dài viết ở vì tuyến 17 đáng giá lắm. Giữ làm kỷ niệm. Cậu nên viết một tập bút ký. Để lúc nào rảnh viết thư cho. Có một cái thư chữ lạ quá.

TRẦN VĂN SƠN (Tân Linh).— Tân Linh thuộc tỉnh nào mà nghe chừng hơi xa quá. Thơ, trước và sau, sẽ đăng trong một vài kỳ tới.

TRẦN NGỌC HƯỜNG (Bà Chiểu).— Tại sao lại là Thơ đồng quê?

Thơ gì cũng được, nếu nó được. Cứ gửi mấy bài đó về xem sao. Anh Trần Văn Sơn hiện đang dạy học ở Sa Đéc, cho hay việc đó anh đồng ý, vì đó là bài đã đăng báo mà.

PHẠM CHU SA (QN).— Lá thư này mới là lá thư đầu tiên về tòa soạn. Không thấy trả lời một tí gì trên mặt báo là thư thất lạc rồi. Sau Nhật Ký Chung, chưa nghĩ ra mục gì mới, có lẽ để Đoàn Văn trở lại. Vì lâu quá gác mất mục này.

NGUYỄN THÀNH HIẾU (CT).— Cảm ơn lá thư của ông. Nhiều người cũng đồng ý những cái khoái đó của ông.

NG. V. PHƯƠNG (Huế).— Kể từ lần sau, ông khỏi gửi báo đảm, vì thư báo đảm đến KH rất chậm (người phát thư phải tới lần thứ ba mới có người lãnh thư ông).

Về lá thư của ông, có lẽ khó trả lời ở mục này. Ông cứ nên tiếp tục làm. Nên gửi đăng báo, nhưng đừng sớm quá. Trong bốn câu ông hỏi, chỉ có thể trả lời vấn đề: Tuy không mới nhưng không phải là thấy gổ đá như ông e ngại.

PHAN HOÀI THY (Binh Định).— Chuyện làm một tờ báo bảy giờ dĩ nhiên là rất vất vả — nhưng ngoài những khó khăn về phương tiện, còn nhiều trở ngại khác, mà quan trọng là in rồi có phát hành được không? Dù sao khi có số ra mắt, gửi cho KH một hai số, để giới thiệu. (Làm tuyển tập có lẽ hay hơn làm báo?)

— Ch/ư LÊ TỊNH GIÁC (Cần Long).— Khi không thấy trả lời — dù ở chỗ nào trên tờ báo, là thư đã lạc. Riêng KH đọc bài lại của gửi về rất là kỹ, không bỏ qua một bài nào.

Thơ ông tòa soạn đã đọc một lần. Ông chờ đợi cho một thời gian.

ANH ANH HOA (Thiếu tá Ngô Văn Hòa).— Tôi có gửi thư và mấy câu hỏi đến anh, nay mới biết là anh không còn ở KBC, đó. Thân. TL.

TRẦN VĂN SƠN nhận tin: Tô đình Sự. Lưu Văn. Trần từ Dung. Phan nhà Dư. Thụy Miên. Yên Bằng. Trảng thế Hải. Lê Văn Chính. Hiện ở Tân Linh, liên lạc Trần Văn Sơn địa chỉ: Bà Trần Văn Sơn, Ty Công Chánh. Bình Tuy.

TRẦN NGỌC HƯỜNG nhận tin: Trần Duy Cang, Phan Nhượng Thước (Cần Thơ). Đã gửi thư và bài cho các bạn. Mong tin.

Muốn biết tin về bạn: Minh Cang Thương hoài Thương. Thư về: Lê thủy Hồng Hộp thư 582 Saigon (nhờ chuyển Trần ngọc Hường).

HOÀI THI (Đồng Đế).— Ở Nha Trang có bán KH đầy chữ sao không? Trong quán trường thì chắc là không có rồi. Sẵn sàng gặp ở Tòa Soạn KH, vào buổi chiều.

TRẦN NHẬT TUẤN.— Đã nhận được «Giọt Nắng». Sẽ chuyển cho anh Hoàng Ngọc Liên.

NGUYỄN VĂN LIÊM Phụng Sai (NT).— Đã nhận được lá thư báo đảm của ông. Sẽ trả lời ông bài đăng được hay không vào một hai kỳ tới, khi tòa soạn có xong.

VÕ NHÃ (CL).— Đã gửi bài dịch André Maurois cho Ty Trại Sự để gửi đến bạn. Vì thế nên có chậm trễ. Truyện của bạn cũng con cả tại tòa soạn. Rất cảm ơn lá thư của bạn về vụ đó. Đã chuyển lá thư đó cho người liên hệ. Bề trái của sự việc có nhiều bí ẩn không tiện nói ra đây.

KỶ TỚI:

NGUYỄN HỮU HIỆU

FAULKNER,
NHÀ VĂN
KHI SÁNG TÁC

(DỊCH
BÀI PHỎNG VẤN CỦA STEIN)

NGÂN THƯƠNG (Quảng Nam).— Vừa rồi có đi cái KNC của anh. Thơ phải từ từ. Hội Văn Thi Sĩ VN điều lệ các nhà văn Bình Nguyễn Lộc, Võ Phiến còn đang soạn. Sẽ có tin sau.

HÀ THỨC SINH (KBC 3317).— Đã nhận được.

NHẮN TIN

Anh VINH LỘC.— Lâu quá mới có tin anh. Khi nào có tin gì thêm, sẽ loan báo anh hay. Rảnh, ghé KH sau 11 giờ và sau 16 g. Anh viết cho cái truyện ngắn?

Anh NGUYỄN ĐỨC SƠN (Bla).— Đã nhận được thư anh.N.ND.

ĐANG ĐỌC

Nguyễn Đức Nhân (thơ).— Nguyễn Tấn Vĩnh (Ngày tháng rồi) Võ Nhã (Bằng Hữu) Cao Thảo Uyên (thơ) — Trương v Dũng — Lê Tường Dũng — Ng. Thất Chi Cường — Trần đình Long — Từ Hoàng Đường — Hoài Nhã Liên Văn — Đặng Cẩm — Trần Tịnh Yên — Hồ đăng Hải — Chu Yên Ngym — Vương Phú Du — Ca Yên — Trần Vũ Cung Thy.

SINH HOẠT VĂN NGHỆ



HY VĂN
*
PHỤ TRÁCH
HOÀNG NGỌC LIÊN

Giới thiệu: «Hành Trình» số đặc biệt Thơ của Văn Nghệ Hồn Hoang Phan Thiết.

Trong những tháng gần đây, anh em văn nghệ Trẻ tại các miền hoạt động thật hăng hái. Chúng tôi đã được đọc những đặc san, tuyển tập có giá trị của Thi văn Đoàn Dạ Anh (Tân Châu) Thi văn Đoàn Trảng Nguyên Thủy (Cần Thơ) Bút nhóm Lệ Đá — Chợ Lầu «Phan Rì», Thi văn Về Nguồn (Phong Dinh). Tuần này chúng tôi hân hạnh giới thiệu với quý bạn thi tập «Hành Trình» của Văn Nghệ Hồn Hoang Phan Thiết San «Thơ Hồn Hoang» (1968) «Tìm Thơ» (1969) «Đuôi chân Tinh» 1 (1969) «Đầu chân tinh» 2 (1959) và «Trường niệm Thanh Thủy Thương» (1970). «Hành Trình» vừa ra mắt các thân hữu của Văn Nghệ Hồn Hoang Phan Thiết vào tháng 4 năm 1970.

«Hành Trình» in toàn trên giấy trắng đẹp, 68 trang, bìa 3 màu của Nguyễn Lăng và do Lê Duy Nguyễn Nhị, Lê Thế Lữ trình bày.

Đây là một số đặc biệt về Thơ, gồm những sáng tác của Nguyễn Lăng, Thương Hà nguyên, Thương Hoài Hồng, Sao Hoang Miên Biển Mạn, Thy Thoại Trang, Hàn từ Tâm, Thụy Văn, Lê Duy Nguyễn Nhị và Thy Linh Thy.

Tuy Hành Trình chỉ có 100 ấn bản dành cho các thân hữu nhưng đã được chăm sóc thật công phu, nhất là hình bìa, một họa phẩm thật Mỹ thuật của Nguyễn Lăng in 3 màu, chứng tỏ các anh em chủ trương rất cố gắng và đem hết nỗ lực vào việc thực hiện. Ngoài trừ một vài trang có một đôi dòng chữ hơi khó đọc, hầu hết các bài thơ trong hành trình đều được trình bày thật trang nhã và sáng sủa.

Vì khuôn khổ có hạn, chúng tôi không thể giới thiệu tất cả các bài thơ trong Hành Trình, nên chỉ xin trích đăng một vài đoạn của một số tác giả đã góp mặt.

Chúng tôi thành thực cầu chúc các anh chị em Hồn Hoang Phan Thiết sẽ còn thành công hơn nữa trong các «Truyện Tập Văn» và «Đặc san khác đại» sắp tới như đã dự định.

LỜI NHẬP CUỘC
NGUYỄN LĂNG

9.— Trời đã sang đông trời bớt mưa dần trời đầy trăng sao trong những đêm ứng chiến— trong 2 giờ gác anh đã đếm được 365 vì sao—anh xin sống vững gia đình hay tạm bợ cho quê hương. Nhưng ngày đó! ời chuyện tương lai bẽ bàng khói thuốc...

MỘT NGÀY
THƯƠNG HOÀI HỒNG

em hồn quanh đá núi
đá trắng cát dạ miền

thu qua chưa quên lối
ôm nỗi sầu cô miên
bước chân loài đã thảo
thoảng đầu chút đại khờ
từ u buồn riáo
hồn ngỡ kiếp nai tơ

BỤI ĐIỀM
HÀN TỪ LÃ

em một lớp phấn hồng trôi ngang mặt
nên nụ cười héo úa lá thu vàng
anh tìm hoài không thấy được dung nhan
nên hạ nắng chợt về rung tóc rối

mặt trời ngủ yên chị hằng một môi
đếm thời gian trên mây cánh sao mòn
em quay nhanh qua trọn nẻo đường non
tung bụi diêm son môi ngân nụ kết

NGƯỜI YÊU PHỐ HỒ
THƯƠNG HÀ NGUÊ
thương về htt

ngủ chưa em trọn kiếp người
một đời bom đạn ru từ sở sinh
nâng lên cao đuôi bình minh
ngửa tay chấp vãi nửa linh hồn rời
— áo em thơm tuổi học trò
đêm vào phiên gác đem so phận mình
là thời đời cũng vô tình
Trong miên man ngỡ vô minh hiện về
nặng nghiêng xiên đỏ phố Hời
lầu ông hoàng đứng buồn khơi ngút ngàn
mây trôi chiều đông dấu hoang
đêm hàn mặc tử, truy tang người tình
— ngủ đi em trọn kiếp đời
rồi mai mình sẽ phố hời dựng bia